VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2024/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/1/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(sau đây gọi là Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT)* **như sau:**

1. Sửa đổi tên Thông tư như sau:

"**Thông tư hướng dẫn việc chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**"

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trách nhiệm và quyền hạn của các bên có liên quan"

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

"**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(sau đây gọi tắt là cơ sở),* trừ các cơ sở sau:

a) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét;

c) Sơ chế nhỏ lẻ;

d) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

đ) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn;

e) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

2. Đối tượng kiểm tra về an toàn thực phẩm:

a) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm của các cơ sở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động giới thiệu, dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối.

2. Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông, lâm, thủy sản: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản, sản xuất muối.

3. Thẩm định: là hoạt động xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở theo quy định của pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm** *(sau đây gọi là Giấy chứng nhận)*; **kiểm tra an toàn thực phẩm**

1. Cơ quan thẩm quyền Trung ương cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm là các Cục quản lý chuyên ngành được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công theo phạm vi quản lý đối với cơ sở:

a) Xuất khẩu trực tiếp hoặc tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận y tế, chứng nhận an toàn thực phẩm bởi Cơ quan thẩm quyền Việt Nam;

b) Có yêu cầu đăng ký, lập, bổ sung cơ sở vào danh sách xuất khẩu hoặc cấp các chứng nhận khác bởi cơ quan có thẩm quyền Việt Nam theo quy định của thị trường nhập khẩu;

2. Cơ quan thẩm quyền địa phương là các cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố giao thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa phương và tàu cá của địa phương khác có nhu cầu (trừ các cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này);

Trường hợp Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu không yêu cầu Cơ quan thẩm quyền Trung ương trực tiếp cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, Cơ quan thẩm quyền địa phương thực hiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở nêu tại điểm a, b Khoản 1 Điều này."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"**Điều 6. Cấp Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm**

1. Cấp Giấy chứng nhận được áp dụng đối với:

a) Cơ sở thuộc diện phải có Giấy chứng nhận khi hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này nhưng chưa được thẩm định, cấp Giấy chứng nhận;

b) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng bị thu hồi;

c) Cơ sở có Giấy chứng nhận còn hiệu lực ít hơn 6 (sáu) tháng hoặc cơ sở ngừng sản xuất quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận;

d) Cơ sở có thay đổi về người đại diện pháp luật hoặc thay đổi hệ thống quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm so với ban đầu (sửa chữa, nâng cấp, mở rộng sản xuất, chuyển địa điểm sản xuất mới).

2. Kiểm tra an toàn thực phẩm được thực hiện theo Điều 17 Thông tư này."

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 7 như sau:

"d) Lấy mẫu kiểm nghiệm: Do Đoàn thẩm định xem xét quyết định dựa trên đánh giá nguy cơ khi có nghi ngờ sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm, hoạt động kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ sở không đảm bảo. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

"2. Phương pháp thẩm định: bao gồm hoạt động xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm: nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện và phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu (khi cần thiết)."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"**Điều 8. Phân loại cơ sở**

1. Phân loại cơ sở:

a) Đạt: Cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

b) Không đạt: Cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc còn điểm không phù hợp không thể khắc phục trong thời hạn yêu cầu.

2. Hướng dẫn thẩm định, phân loại theo mẫu biên bản thẩm định tương ứng các loại hình cơ sở quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, việc thẩm định điều kiện cơ sở thực hiện theo các quy định đối với ngành, lĩnh vực tương ứng."

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 10 như sau:

"**1. Yêu cầu đối với thành viên đoàn thẩm định**

a) Trung thực, khách quan, không có xung đột lợi ích với cơ sở được thẩm định;

b) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thẩm định;

c) Đã tham gia khóa đào tạo hoặc tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thẩm định hoặc khóa đào tạo hoặc tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thẩm định.

2. Yêu cầu đối Trưởng đoàn thẩm định

a) Đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác và đã tham gia thẩm định ít nhất 05 cơ sở trong lĩnh vực thẩm định."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Phí, lệ phí**

Việc thu phí, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí".

12. Sửa đổi, bổ sung tên Chương II như sau:

"CHƯƠNG II
CHỨNG NHẬN, KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM"

13. Sửa đổi tên Mục 1 Chương II như sau:

"**Mục 1. CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**"

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận**

1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận bao gồm các thành phần được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo Phụ lục V kèm theo Thông tư này; Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này; Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cho Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại cơ quan thẩm quyền.

3. Sau khi nhận được hồ sơ của cơ sở, Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo kết quả tới cơ sở, ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

"1. Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này ban hành quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ. Quyết định thành lập đoàn thẩm định gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ thẩm định;

b) Phạm vi, nội dung;

c) Tên, địa chỉ của cơ sở được thẩm định;

d) Họ tên, chức danh của trưởng đoàn, phó đoàn (nếu có) và các thành viên trong đoàn;

đ) Trách nhiệm của cơ sở và đoàn thẩm định."

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"**Điều 14. Tổ chức thẩm định tại cơ sở**

Thực hiện thẩm định tại cơ sở trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật An toàn thực phẩm, cụ thể:

1. Đoàn thẩm định công bố quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định.

2. Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở.

4. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật."

17. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 15 như sau:

"d) Nêu kết luận chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định của cơ sở.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

"**Điều 16. Xử lý kết quả thẩm định và cấp, thu hồi Giấy Chứng nhận**

Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Cơ quan thẩm quyền thực hiện thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần) và thực hiện như sau:

1. Kết quả thẩm định đạt:

a) Cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm. Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 3 (ba) năm kể từ ngày cấp.

b) Trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định, việc cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở được thực hiện khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Cơ quan thẩm quyền thẩm tra đạt yêu cầu.

2. Kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương để giám sát cơ sở không được hoạt động.

3. Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra và thực hiện việc cấp Giấy Chứng nhận theo điểm a khoản 1 Điều này.

4. Định kỳ, Cơ quan thẩm quyền thống kê, cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin điện tử về Danh sách cơ sở được cấp Giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực và các cơ sở chưa đáp ứng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận

a) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm;

b) Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận: Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Cơ quan thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của cơ sở nêu tại điểm a khoản 5 Điều này khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định ATTP hoặc thu hồi theo đề nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của cơ sở sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp còn hiệu lực bị mất, hư hỏng, Cơ quan thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, xem xét và cấp Bản sao từ sổ gốc theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc sau khi nhận được đề nghị của cơ sở hoặc có văn bản từ chối và nêu rõ lý do không cấp.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ, địa giới hành chính nhưng không thay đổi vị trí và Giấy chứng nhận còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận.”

19. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 2 Chương II như sau:

“**Mục 2. KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM**”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“**Điều 17. Kiểm tra an toàn thực phẩm**

1. Đối tượng kiểm tra: Các cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

2. Nguyên tắc kiểm tra: Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật An toàn thực phẩm.

3. Hoạt động kiểm tra:

a) Thực hiện bởi Đoàn kiểm tra được Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này thành lập, có trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 70 Luật An toàn thực phẩm;

b) Hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở phải lập Biên bản theo mẫu tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn kiểm tra lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra theo kế hoạch:

a) Hằng năm, cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này căn cứ yêu cầu quản lý, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, diễn biến sự cố an toàn thực phẩm, kết quả giám sát an toàn thực phẩm, kết quả thanh tra, kiểm tra kỳ trước và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật An toàn thực phẩm và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trước khi tiến hành kiểm tra tối thiểu 3 (ba) ngày, cơ quan thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở được kiểm tra;

c) Tần suất kiểm tra: không quá 01 lần/cơ sở/năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Kiểm tra đột xuất: Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất (không thông báo trước) trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm;

b) Có cảnh báo của tổ chức trong nước, nước ngoài và các tổ chức quốc tế liên quan đến an toàn thực phẩm hoặc có phản ánh của các tổ chức, cá nhân về đảm bảo an toàn thực phẩm liên quan đến cơ sở;

c) Kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên.

6. Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan thẩm quyền thực hiện:

a) Thông báo kết quả tới cơ sở đối với trường hợp kiểm tra đạt yêu cầu.

b) Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt: Có văn bản yêu cầu cơ sở thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong Biên bản kiểm tra, cơ sở có trách nhiệm báo cáo kết quả, kèm theo bằng chứng khắc phục trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu.

c) Trường hợp cơ sở không báo cáo theo thời hạn yêu cầu hoặc kết quả khắc phục của cơ sở không đạt, Cơ quan thẩm quyền thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của cơ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này hoặc Thông báo kết quả kiểm tra tới tổ chức chứng nhận đã cấp Giấy chứng nhận khác đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị

định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 để thu hồi hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận đã cấp; Trường hợp tổ chức chứng nhận không thực hiện thu hồi, đình chỉ Giấy chứng nhận của cơ sở có vi phạm về an toàn thực phẩm, đề nghị Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp xem xét, xử lý đối với tổ chức chứng nhận (nếu có vi phạm) theo quy định của pháp luật."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"Điều 19. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Quy định cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Bố trí nguồn lực và cấp kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương để các Cơ quan thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này."

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"**Điều 20. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trong phạm vi được phân công."

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"**Điều 21. Cơ quan thẩm quyền Trung ương**

1. Hướng dẫn công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra an toàn thực phẩm trong toàn hệ thống từ trung ương đến địa phương thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Hướng dẫn áp dụng thống nhất tài liệu, biểu mẫu, phương pháp thẩm định đối với các cơ sở được phân công quản lý. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất, xây dựng và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mẫu biên bản thẩm định phù hợp với tính chất đặc thù của cơ sở.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định và của cơ quan thẩm quyền địa phương.

4. Hằng năm lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

5. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm, thực phẩm phối chế, hỗn hợp nhiều thành phần (thực vật, động vật, thủy sản) được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này và quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

6. Cục Bảo vệ thực vật cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc thực vật để xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Cục Bảo vệ thực vật giới thiệu, lập danh sách các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc thực vật để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận khác về an toàn thực phẩm trên cơ sở Giấy chứng nhận do Cơ quan có thẩm quyền địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận tương đương còn hiệu lực và đáp ứng các tiêu chí về an toàn thực phẩm của các quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu. Cục Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế các cơ sở này khi cần thiết.

7. Cục Thú y tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Cục Thú y đăng ký, giới thiệu, lập danh sách các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn dùng làm thực phẩm để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận khác về an toàn thực phẩm trên cơ sở Giấy chứng nhận do Cơ quan có thẩm quyền địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận tương đương còn hiệu lực và đáp ứng các tiêu chí về an toàn thực phẩm của các quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu. Cục Thú y tổ chức kiểm tra thực tế các cơ sở này khi cần thiết.

8. Tổng hợp, cập nhật danh sách và công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thẩm quyền và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của cơ quan thẩm quyền địa phương.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"**Điều 22. Cơ quan thẩm quyền địa phương**

1. Tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố phân công, phân cấp.

2. Thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định.

4. Định kỳ, tổng hợp, cập nhật và công khai trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền và của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý tại địa phương.

5. Lưu trữ các hồ sơ liên quan đến hoạt động cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp."

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 24 như sau:

"5. Nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận theo quy định hiện hành."

26. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số Điều, Phụ lục của Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT như sau:

a) Bãi bỏ Điều 9, Điều 18;

b) Bổ sung Phụ lục IA Mẫu Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở;

c) Thay thế mẫu Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại Phụ lục II, Phụ lục III bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Phụ lục V bằng Phụ lục III hành kèm theo Thông tư này; thay thế Phụ lục VI bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Phụ lục IV bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu *(sau đây gọi là Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT)* **như sau**:

1. Sửa đổi tên Thông tư như sau:

"Thông tư quy định về thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu"

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền thực hiện thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm để đăng ký, bổ sung cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản *(sau đây gọi là Cơ sở)* vào danh sách xuất khẩu sang quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu: đăng ký, lập danh sách cơ sở xuất khẩu, lô hàng xuất khẩu được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm bởi Cơ quan thẩm quyền Việt Nam *(sau đây gọi là Danh sách xuất khẩu)*; Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm *(sau đây gọi là Giấy chứng nhận ATTP)* theo quy định của Luật An toàn thực phẩm; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu.

2. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền thực hiện thẩm định, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu *(sau đây gọi là Chứng thư)* theo yêu cầu của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

"**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng áp dụng bao gồm:

a) Cơ sở tham gia trong chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm thủy sản để xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu đăng ký, lập Danh sách xuất khẩu;

b) Lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm bởi Cơ quan thẩm quyền Việt Nam;

c) Đối với lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu có yêu cầu chứng nhận kiểm dịch theo quy định của thị trường nhập khẩu, Cơ quan thẩm định, cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện đồng thời hoạt động thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP) và kiểm dịch.

2. Các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này:

a) Cơ sở chỉ tiêu thụ nội địa và không thuộc đối tượng nêu tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm."

4. Bổ sung khoản 8, khoản 9 vào Điều 3 như sau:

"*8. Lô hàng sản phẩm mẫu:* là lô hàng được xuất khẩu với mục đích để giới thiệu sản phẩm, trưng bày hội chợ, triển lãm, nghiên cứu, không đưa ra tiêu thụ với mục đích thương mại dùng làm thực phẩm và có khối lượng tổng cộng đăng ký, cấp chứng thư xuất khẩu không quá 50 kg.

9. Thẩm định: là hoạt động xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở và quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm thủy sản để xuất khẩu theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"**Điều 4. Căn cứ để thẩm định, chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm**

Căn cứ để thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP, cấp Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu, kiểm tra an toàn thực phẩm là các quy định tại Điều 41, 42, 68, 69, 70 của Luật ATTP; các quy định, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quy định về ATTP thủy sản của thị trường nhập khẩu."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"**Điều 5. Cơ quan thẩm định**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP, thẩm định bổ sung Danh sách xuất khẩu, kiểm tra ATTP *(sau đây gọi là Cơ quan thẩm quyền)* là: Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc được phân công thực hiện theo khu vực (Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ).

2. Cơ quan thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu; giám sát điều kiện đảm bảo ATTP cơ sở và lô hàng sau chứng nhận *(sau đây gọi là Cơ quan cấp chứng thư)* là: các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6 được Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường phân công thực hiện theo địa bàn."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"**Điều 6. Yêu cầu đối với kiểm tra viên, thành viên Đoàn thẩm định**

1. Yêu cầu đối với kiểm tra viên

a) Trung thực, khách quan, không có xung đột lợi ích với cơ sở được thẩm định;

b) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thẩm định;

c) Đã tham gia khóa đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ thẩm định hoặc khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thẩm định.

2. Yêu cầu đối Trưởng đoàn thẩm định

a) Đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực thẩm định và đã tham gia thẩm định ít nhất 05 (năm) cơ sở trong lĩnh vực thẩm định.

3. Yêu cầu đối với người lấy mẫu

a) Có chuyên môn phù hợp;

b) Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về lấy mẫu hoặc có chứng chỉ, giấy chứng nhận tham gia đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu thực phẩm."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"**Điều 9. Phí và lệ phí**

Việc thu phí, lệ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP; phí, lệ phí thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí"

9. Sửa đổi tên Chương II như sau:

"Chương II. THẨM ĐỊNH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM, BỔ SUNG DANH SÁCH XUẤT KHẨU"

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"**Điều 10. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP**

1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP bao gồm các thành phần được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo Phụ lục I kèm theo Thông tư này; Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham

khảo tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này; Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ quan thẩm quyền qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Cơ quan thẩm quyền."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Xử lý hồ sơ**

1. Sau khi nhận được hồ sơ của Cơ sở, Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo kết quả tới Cơ sở, ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do.

2. Thực hiện thẩm định tại Cơ sở trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật An toàn thực phẩm."

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Cấp Giấy chứng nhận ATTP

Thẩm định để cấp Giấy chứng nhận ATTP được áp dụng đối với:

1. Cơ sở thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận ATTP thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Thông tư này mà chưa được thẩm định, cấp Giấy chứng nhận.

2. Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP nhưng bị thu hồi hoặc cơ sở ngừng sản xuất quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền.

3. Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP nhưng thay đổi người đại diện pháp luật hoặc có thay đổi về hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm so với phạm vi đã được thẩm định, chứng nhận trước đó.

4. Cơ sở có Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực ít hơn 6 tháng;

5. Cơ sở có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 nhưng không duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận khác và có nhu cầu tham gia Chương trình chứng nhận xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này."

13. Sửa đổi tên Điều 13 như sau:

"Điều 13. Thành lập Đoàn thẩm định"

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

"1. Cơ quan thẩm quyền ban hành quyết định thành lập đoàn thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP, bao gồm Trưởng đoàn và các thành viên đoàn thẩm định đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

"1. Nội dung thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP của Cơ sở bao gồm:

a) Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực tham gia sản xuất, quản lý về ATTP;

b) Chương trình quản lý ATTP theo nguyên tắc HACCP (nếu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng);

c) Thủ tục truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn;

d) Các yêu cầu đặc thù của thị trường nhập khẩu tương ứng mà Cơ sở đăng ký xuất khẩu (nếu có);

đ) Điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở cung cấp nguyên liệu cho Cơ sở (nếu cần);

e) Việc chấp hành các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (quy định IUU) trong sản xuất, chế biến, xuất khẩu thủy sản khai thác (nếu có);

g) Lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này: Do Đoàn thẩm định xem xét quyết định dựa trên đánh giá nguy cơ về ATTP trong quá trình thẩm định tại Cơ sở. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành."

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Biên bản thẩm định

1. Biên bản thẩm định theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 8

và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, việc thẩm định điều kiện cơ sở thực hiện theo các quy định đối với ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Yêu cầu đối với biên bản thẩm định:

a) Phải được đoàn thẩm định lập tại Cơ sở ngay sau khi kết thúc thẩm định;

b) Thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả thẩm định;

c) Ghi rõ các hạng mục không đáp ứng yêu cầu, quy chuẩn, quy định về an toàn thực phẩm và thời hạn yêu cầu Cơ sở khắc phục các điểm chưa phù hợp;

d) Nêu kết luận chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

đ) Có ý kiến của người đại diện có thẩm quyền của Cơ sở về kết quả thẩm định, cam kết khắc phục các điểm không phù hợp (nếu có);

e) Có chữ ký của trưởng đoàn thẩm định, chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của Cơ sở, đóng dấu giáp lai của Cơ sở (nếu có) vào Biên bản thẩm định hoặc ký từng trang trong trường hợp Cơ sở không có con dấu;

g) Trường hợp đại diện Cơ sở không đồng ý ký tên vào Biên bản thẩm định thì đoàn thẩm định phải ghi: "Đại diện Cơ sở được thẩm định không ký Biên bản" và nêu rõ lý do đại diện Cơ sở không ký. Biên bản này vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên trong Đoàn thẩm định;

h) Được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau: 01 (một) bản lưu tại cơ quan thẩm quyền, 01 bản giao cho Cơ sở; trường hợp cần thiết có thể tăng thêm số bản do Trưởng đoàn thẩm định quyết định."

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Xử lý kết quả thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP

Sau khi nhận được Biên bản thẩm định, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra biên bản thẩm định (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá (nếu cần)) và thực hiện như sau:

1. Kết quả thẩm định đạt yêu cầu:

a) Thông báo kết quả thẩm định, cấp mã số (trường hợp Cơ sở chưa có mã số) theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này tới Cơ sở; cấp Giấy chứng nhận ATTP có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm theo Mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp có lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình thẩm định, việc cấp Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ sở được thực hiện khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Đối với mẫu kiểm nghiệm có kết quả không đạt, việc cấp Giấy chứng nhận ATTP chỉ được thực hiện sau khi Cơ sở có báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp và được Cơ quan thẩm quyền thẩm tra đạt yêu cầu.

2. Kết quả thẩm định không đạt:

a) Trường hợp, Cơ sở không thể khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền gửi thông báo kết quả, nêu rõ lý do không đạt, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Điều 18 Thông tư này, đồng gửi Cơ quan quản lý ATTP ở địa phương để giám sát Cơ sở không được hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm.

b) Trường hợp, Cơ sở có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra, xác nhận đạt yêu cầu trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm, Cơ quan thẩm quyền thực hiện cấp Giấy chứng nhận ATTP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Thu hồi Giấy chứng nhận ATTP

1. Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm.

2. Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận ATTP: Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

3. Cơ quan thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận ATTP đã cấp đối với Cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định ATTP hoặc thu hồi theo đề nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của Cơ sở sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan thanh tra, kiểm tra.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"Điều 19. Thay đổi Giấy chứng nhận ATTP

1. Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực bị mất, thất lạc, hư hỏng; Giấy chứng nhận bị sai lỗi hành chính trong khi phát hành; Cơ sở có thay đổi thông tin về tên, địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính nhưng không thay đổi người đại diện pháp luật, không thay đổi hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đã được thẩm định, chứng nhận.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Cơ quan thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ lưu, xem xét việc đổi Giấy chứng nhận ATTP cho Cơ sở với thời hạn hiệu lực trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ATTP hiện có hoặc có văn bản từ chối, nêu rõ lý do gửi Cơ sở."

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"Điều 20. Phạm vi và đối tượng tham gia Chương trình

1. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu bao gồm: hoạt động thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với Cơ sở để bổ sung Danh sách xuất khẩu và thẩm định cấp Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu vào các quốc gia, vùng lãnh thổ theo yêu cầu thị trường nhập khẩu. Danh mục quốc gia, vùng lãnh thổ nêu tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu là tự nguyện, các Cơ sở có nhu cầu xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện việc đăng ký thẩm định, bổ sung vào Danh sách xuất khẩu, thẩm định cấp chứng thư với Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Trong trường hợp có yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thông báo đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và tổ chức thực hiện, đồng thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật Danh mục thị trường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản quy định của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

4. Các Cơ sở tham gia Chương trình có đăng ký thẩm định, bổ sung Danh sách xuất khẩu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và được Cơ quan thẩm quyền thẩm định đáp ứng:

a) Các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt Nam;

b) Quy định, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm ATTP của nước nhập khẩu tương ứng."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"Điều 21. Danh sách xuất khẩu

1. Danh sách xuất khẩu là danh sách bao gồm các Cơ sở có kết quả thẩm định theo quy định tại Chương II Thông tư này đạt yêu cầu, đáp ứng tiêu chí nêu tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 20 Thông tư này, bao gồm:

a) Các Cơ sở thuộc đối tượng được Giấy chứng nhận ATTP;

b) Cơ sở có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 còn hiệu lực;

c) Các cơ sở đã có tên trong Danh sách xuất khẩu nhưng bổ sung thị trường mới có yêu cầu lập Danh sách, bổ sung nhóm sản phẩm mới chưa được thẩm định, chứng nhận.

2. Hàng tháng hoặc theo thời hạn yêu cầu của nước nhập khẩu, Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này thực hiện đăng ký, giới thiệu, xác nhận, chứng nhận điều kiện bảo đảm ATTP và lập Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường tương ứng gửi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu để đề nghị công nhận; cập nhật danh sách xuất khẩu các thị trường lên cổng thông tin điện tử sau khi danh sách được công nhận.

3. Cơ sở bị đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu vào thị trường tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở có văn bản đề nghị rút tên khỏi Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở không tiếp tục đáp ứng tiêu chí tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư này hoặc Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có văn bản đề nghị đưa tên ra khỏi danh sách xuất khẩu;

c) Cơ sở có kết quả kiểm tra ATTP không đạt theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 35 Thông tư này và không được Cơ quan thẩm quyền thẩm định đánh giá đạt yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thông báo kết quả kiểm tra;

d) Cơ sở ngừng sản xuất từ 12 (mười hai) tháng trở lên kể từ thời điểm có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền và không được Cơ quan cấp chứng thư nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện kiểm tra, giám sát điều kiện đảm bảo ATTP."

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"Điều 22. Danh sách ưu tiên

1. Danh sách ưu tiên là danh sách các Cơ sở có lịch sử tốt bảo đảm ATTP, đáp ứng các tiêu chí nêu tại khoản 3 Điều này và được áp dụng hình thức chứng nhận thủy sản xuất khẩu tương ứng với mức xếp loại ưu tiên theo quy định tại Mục 2 Chương này.

2. Xếp loại ưu tiên với Cơ sở có lịch sử tốt bảo đảm ATTP:

a) Cơ sở được xếp loại ưu tiên hạng 2 khi có ít nhất 05 (năm) lô hàng xuất khẩu và không bị Cơ quan cấp chứng thư hoặc thị trường nhập khẩu phát hiện sản phẩm không bảo đảm ATTP đối với các chỉ tiêu: vi sinh vật gây bệnh; ký sinh trùng gây bệnh; tồn dư chất ô nhiễm, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; phụ gia, chất hỗ trợ chế biến; độc tố sinh học; chất gây dị ứng trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng kể từ ngày được thông báo kết quả thẩm định Đạt theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Cơ sở ưu tiên hạng 2 được xếp loại ưu tiên hạng 1 khi tiếp tục duy trì điều kiện bảo đảm ATTP trong thời gian tối thiểu 3 (ba) tháng kể từ ngày vào danh sách ưu tiên, có ít nhất 05 (năm) lô hàng xuất khẩu và không bị Cơ quan cấp chứng thư hoặc thị trường nhập khẩu phát hiện sản phẩm không bảo đảm ATTP đối với các chỉ tiêu nêu tại điểm a khoản 2 Điều này;

Trong thời gian được xem xét xếp loại ưu tiên, Cơ sở không có hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ sở được đưa vào danh sách ưu tiên đáp ứng tiêu chí:

a) Cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở được xếp loại: Ưu tiên hạng 1, Ưu tiên hạng 2.

4. Cơ sở bị đưa ra khỏi danh sách ưu tiên trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở không đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Cơ sở không được cấp Chứng thư theo quy định tại điểm b, c, đ khoản 1 Điều 26 Thông tư này;

c) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu, mẫu thẩm tra mối nguy ATTP bị Cơ quan cấp Chứng thư hoặc thị trường nhập khẩu phát hiện không bảo đảm ATTP theo quy định đối với các chỉ tiêu nêu tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Cơ sở có hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở được đưa trở lại danh sách ưu tiên

a) Đáp ứng các tiêu chí nêu tại khoản 3 Điều này;

b) Cơ sở hoàn thành việc báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân, thực hiện hành động khắc phục, được Cơ quan cấp chứng thư chấp thuận đạt yêu cầu đối với trường hợp Cơ sở nêu tại điểm c khoản 4 Điều này hoặc trong thời gian 3 (ba) tháng kể từ ngày cơ sở đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

6. Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện cập nhật danh sách ưu tiên đối với Cơ sở thuộc địa bàn trong thời hạn tối đa 3 (ba) ngày kể từ thời điểm Cơ sở đáp ứng yêu cầu nâng hạng xếp loại ưu tiên, đưa vào, đưa trở lại danh sách ưu tiên quy định tại khoản 2, 3, 5 Điều này hoặc kể từ thời điểm nhận được thông tin Cơ sở thuộc trường hợp đưa ra khỏi danh sách ưu tiên quy định tại khoản 4 Điều này.”

23. Bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Đối với lô hàng sản phẩm mẫu: Cơ quan cấp chứng thư thực hiện cấp Chứng thư cho lô hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Yêu cầu đối với sản phẩm xuất khẩu

1. Được sản xuất, bảo quản tại Cơ sở có tên trong danh sách các Cơ sở tham gia chương trình chứng nhận xuất khẩu theo từng thị trường nhập khẩu tương ứng.

2. Đáp ứng các quy định an toàn thực phẩm, ghi nhãn các thông tin bắt buộc theo quy định của thị trường nhập khẩu, không làm sai lệch bản chất của hàng hóa và không vi phạm pháp luật Việt Nam.

3. Đối với sản phẩm được sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản từ các Cơ sở khác nhau:

a) Cơ sở thực hiện công đoạn sản xuất cuối cùng (bao gói, ghi nhãn sản phẩm) hoặc cơ sở bảo quản (theo yêu cầu thị trường nhập khẩu) có tên trong danh sách xuất khẩu theo thị trường tương ứng;

b) Cơ sở thực hiện các công đoạn sản xuất trước đó phải đáp ứng các quy định về điều kiện bảo đảm ATTP của Việt Nam và thị trường nhập khẩu tương ứng;

c) Các Cơ sở tham gia vận chuyển, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, xuất khẩu lô hàng có văn bản cam kết cùng chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý của Cơ quan cấp chứng thư trong trường hợp lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo hoặc Cơ quan cấp chứng thư phát hiện vi phạm về ATTP;

d) Các Cơ sở tham gia vận chuyển, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, xuất khẩu lô hàng có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ sản xuất và kiểm soát ATTP, hồ sơ bảo quản, xuất khẩu đối với các công đoạn sản xuất do Cơ sở thực hiện, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của pháp luật.

4. Đối với sản phẩm thủy sản sống dùng làm thực phẩm xuất khẩu:

a) Đáp ứng quy định nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này;

b) Sản phẩm được nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, bao gói, vận chuyển, xuất khẩu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 20, 21 và Điều 23 Luật An toàn thực phẩm;

c) Cơ sở thực hiện công đoạn sản xuất cuối cùng (bao gói, ghi nhãn sản phẩm) tổ chức xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, bao gói, xuất khẩu đảm bảo ATTP và tuân thủ quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT."

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 25 như sau:

"1. Lô hàng xuất khẩu được cấp Chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu tương ứng và chứng thư theo mẫu của quốc gia lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất (nếu có yêu cầu) có nội dung phù hợp, thống nhất với chứng thư của thị

trường nhập khẩu và/hoặc giấy chứng nhận, xác nhận khác có liên quan đến lô hàng xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Chứng thư có nội dung, hình thức phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu tương ứng và được đánh số theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, chứng thư có thể kèm theo phụ lục để phục vụ chứng nhận đầy đủ các thông tin của lô hàng theo quy định."

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

"1. Cơ quan cấp chứng thư không cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu được sản xuất tại các Cơ sở sau:

a) Cơ sở bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu thông báo tạm dừng nhập khẩu hoặc bị áp dụng biện pháp dừng cấp chứng thư, tạm dừng xuất khẩu theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành biện pháp quản lý trên cơ sở có yêu cầu của thị trường nhập khẩu;

b) Cơ sở có kết quả thẩm định, kiểm tra không đạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 và khoản 1 Điều 35 Thông tư này;

c) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;

d) Cơ sở không khắc phục điểm không phù hợp, sai lỗi được phát hiện thông qua giám sát an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư này;

đ) Cơ sở đang trong thời gian bị đình chỉ sản xuất theo quy định tại Điều 30, Điều 33 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc bị áp dụng biện pháp xử phạt tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ATTP hoặc đình chỉ hoạt động theo quy định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính về chất lượng, an toàn thực phẩm;

e) Cơ sở có văn bản thông báo tạm ngừng sản xuất."

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

"Điều 27. Thẩm tra hiệu quả kiểm soát mối nguy ATTP

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Chỉ tiêu thẩm tra thực hiện theo quy định nêu tại danh mục chỉ tiêu ATTP, mức giới hạn cho phép theo yêu cầu của thị trường nhập khẩu tương ứng và được

Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường cập nhật, thông báo định kỳ hoặc đột xuất khi có phát sinh yêu cầu quản lý;

b) Tần suất lấy mẫu thẩm tra tối thiểu đối với Cơ sở như sau: Ưu tiên hạng 1: 1 tháng/lần; Ưu tiên hạng 2: 1 tháng/2 lần. Trong trường hợp thực tế sản xuất, xuất khẩu sản phẩm của Cơ sở không đáp ứng tần suất lấy mẫu theo quy định trong tháng, tần suất lấy mẫu sẽ do Cơ quan cấp chứng thư quyết định;

c) Tỷ lệ lấy mẫu thẩm tra: Được xác định dựa trên điều kiện bảo đảm ATTP; lịch sử bảo đảm ATTP; mức nguy cơ của sản phẩm; quy mô, công suất hoặc sản lượng sản xuất của Cơ sở theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm Thông tư này;

Trên cơ sở đánh giá nguy cơ hoặc theo quy định mới của thị trường nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật nội dung quy định tại Phụ lục X cho phù hợp;

d) Vị trí lấy mẫu: Tại công đoạn sản xuất bất kỳ: trên dây chuyền; kho bảo quản; cơ sở nuôi, cơ sở thu mua, sơ chế, bao gói ban đầu đối với thủy sản tươi ướp đá, ướp lạnh, sống;

đ) Nội dung thẩm tra: Hồ sơ giám sát sản xuất, điều kiện bảo quản, thông tin truy xuất, lịch sử điều kiện đảm bảo ATTP của Cơ sở và các hồ sơ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu.

2. Kế hoạch thẩm tra đảm bảo ít nhất 1 lần/năm đối với mỗi nhóm sản phẩm được sản xuất, xuất khẩu của Cơ sở:

a) Căn cứ theo kế hoạch sản xuất, xuất khẩu sản phẩm của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thống nhất với Cơ sở kế hoạch thẩm tra bao gồm các nội dung: Thời điểm lấy mẫu, loại mẫu, số lượng mẫu dự kiến cho từng đợt và thông báo tới Cơ sở bằng văn bản hoặc thông qua phương thức chuyển thông tin phù hợp (thư điện tử, phần mềm trực tuyến);

b) Trường hợp có thay đổi kế hoạch sản xuất, xuất khẩu, Cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc gửi thông tin theo phương thức thông tin phù hợp tới Cơ quan cấp chứng thư không muộn quá 03 (ba) ngày làm việc hoặc 01 (một) ngày làm việc đối với cơ sở sản xuất sản phẩm thủy sản sống, tươi ướp đá so với thời điểm đã thống nhất tại kế hoạch trước đó.

3. Xử lý kết quả kiểm nghiệm mẫu thẩm tra:

a) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm nghiệm mẫu thẩm tra không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm của thị trường nhập khẩu, Cơ quan cấp chứng thư gửi thông báo mẫu không đạt theo mẫu nêu tại Phụ lục XVI Thông tư này;

Cơ sở có trách nhiệm thực hiện truy xuất nguồn gốc, điều tra xác định nguyên nhân, thiết lập và thực hiện các biện pháp khắc phục, bao gồm việc thu hồi, xử lý đối với sản phẩm không bảo đảm ATTP, lập báo cáo giải trình theo mẫu nêu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này gửi Cơ quan cấp chứng thư theo thời hạn yêu cầu;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo giải trình của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới Cơ sở. Trường hợp phải tổ chức thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc thẩm tra thực tế."

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

"1. Hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư cho 01 (một) lô hàng xuất khẩu bao gồm:

a) Giấy đăng ký cấp Chứng thư theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê chi tiết lô hàng theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu trong trường hợp chứng thư đăng ký qua hệ thống trực tuyến;

d) Trường hợp Chủ hàng không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng: cung cấp văn bản mua bán/gia công, ủy thác với cơ sở sản xuất, chế biến lô hàng, trong đó có cam kết cả hai bên (cơ sở sản xuất và Chủ hàng) cùng chịu trách nhiệm khi lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo;

đ) Chủ hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến lô hàng xuất khẩu để phục vụ việc xác nhận, chứng nhận các nội dung trong chứng thư theo yêu cầu thị trường nhập khẩu tương ứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu hoặc căn cứ theo quy định của thị trường nhập khẩu về ngày ban hành chứng thư, Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký đến Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp; gửi theo đường bưu điện; thư điện tử hoặc nộp hồ sơ, khai báo các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu khi đăng ký trực tuyến.

3. Thẩm định, cấp chứng thư:

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ thông tin, Cơ quan cấp chứng thư tiến hành thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu, Chứng thư cho lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất theo mẫu tương ứng (khi có yêu cầu), có nội dung phù hợp, thống nhất với chứng thư của thị trường nhập khẩu trên cơ sở rà soát kết quả thẩm tra hiệu quả kiểm soát mối nguy ATTP nêu tại Điều 27 Thông tư này hoặc thực hiện xác nhận, nêu lý do không đủ điều kiện cấp chứng thư cho lô hàng xuất khẩu trong Giấy đăng ký cấp chứng thư.”

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“**Điều 29. Đăng ký thẩm định**

1. Hồ sơ đăng ký thẩm định cho 01 (một) lô hàng xuất khẩu bao gồm:

a) Giấy đăng ký thẩm định theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê chi tiết lô hàng theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp Chủ hàng không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng: cung cấp văn bản mua bán/gia công, ủy thác với cơ sở sản xuất, chế biến lô hàng kèm theo hồ sơ đăng ký, trong đó có cam kết cả hai bên (cơ sở sản xuất và Chủ hàng) cùng chịu trách nhiệm khi lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo.

2. Thời hạn gửi hồ sơ đăng ký:

a) Đối với thủy sản sống, tươi ướp đá: Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu;

b) Đối với các sản phẩm khác: Cơ sở thực hiện đăng ký và thống nhất thời gian thực hiện thẩm định, lấy mẫu với Cơ quan cấp chứng thư để đảm bảo có kết quả kiểm nghiệm trước thời điểm dự kiến lô hàng được xuất khẩu.

3. Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thẩm định đến Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện; hoặc thư điện tử hoặc nộp hồ sơ, khai báo các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu khi đăng ký trực tuyến.

4. Xử lý hồ sơ đăng ký: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan cấp chứng thư thẩm xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và hướng dẫn Chủ hàng bổ sung các nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định (nếu có).”

30. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 31 như sau:

“c. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày kết quả kiểm nghiệm được gửi cho Chủ hàng, nếu Chủ hàng không có ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm nghiệm, Cơ quan cấp chứng thư gửi cho Chủ hàng *Thông báo lô hàng không đạt* theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này; Chủ hàng có trách nhiệm điều tra nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý đối với lô hàng theo đúng thời hạn yêu cầu và lập báo cáo giải trình theo mẫu nêu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này gửi Cơ quan cấp chứng thư;

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo giải trình của Chủ hàng, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới chủ hàng, cơ sở sản xuất. Trường hợp thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc thẩm tra thực tế.”

31. Sửa đổi tên Điều 32 như sau:

“Điều 32. Thẩm định, cấp chứng thư”

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu hoặc căn cứ theo quy định của thị trường nhập khẩu về ngày ban hành chứng thư, Chủ hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến lô hàng xuất khẩu để phục vụ việc xác nhận, chứng nhận các nội dung trong chứng thư theo yêu cầu thị trường nhập khẩu tương ứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

Trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ thông tin, Cơ quan cấp Chứng thư thực hiện thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu, Chứng

thư cho lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất theo mẫu tương ứng (khi có yêu cầu) nếu kết quả thẩm định, kiểm nghiệm của lô hàng đạt yêu cầu. Trường hợp lô hàng thủy sản sống, tươi ướp đá, Cơ quan cấp chứng thư được phép cấp chứng thư cho lô hàng trong khi chờ kết quả kiểm nghiệm và thực hiện xử lý kết quả kiểm nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư này".

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

"**Điều 33. Cấp lại Chứng thư**

1. Khi Chứng thư đã cấp bị thất lạc, hư hỏng hoặc sai lỗi hành chính trong khi phát hành hoặc có thay đổi thông tin (trừ các thay đổi về định danh sản phẩm, khối lượng, quy cách sản phẩm, truy xuất nguồn gốc của lô hàng, nội dung đã thẩm định, chứng nhận về chất lượng, an toàn thực phẩm/an toàn bệnh thủy sản trong chứng thư đã cấp) hoặc có đề nghị của Cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất, Chủ hàng có văn bản đề nghị cấp lại Chứng thư trong đó nêu rõ lý do gửi Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện hoặc thư điện tử.

2. Cơ quan cấp chứng thư cấp lại Chứng thư trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chủ hàng hoặc có văn bản từ chối cấp lại, nêu rõ lý do gửi Chủ hàng.

3. Chứng thư cấp lại có nội dung chứng nhận thông tin định danh sản phẩm, khối lượng, quy cách sản phẩm, truy xuất nguồn gốc của lô hàng chính xác với nội dung của Chứng thư đã cấp; được đánh số mới theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này và có ghi chú: "*Chứng thư này thay thế cho Chứng thư số..., cấp ngày...*" hoặc ghi chú theo quy định của thị trường nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất."

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"**Điều 35. Kiểm tra, giám sát sau thẩm định, chứng nhận**

1. Kiểm tra việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường:

a) Cơ quan thực hiện là Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Kiểm tra theo kế hoạch: Cơ quan thẩm quyền căn cứ yêu cầu quản lý, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, diễn biến sự cố

an toàn thực phẩm, kết quả giám sát an toàn thực phẩm, kết quả thanh tra, kiểm tra kỳ trước và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật An toàn thực phẩm;

c) Hoạt động kiểm tra được thực hiện bởi Đoàn kiểm tra do Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này thành lập, có trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 70 Luật An toàn thực phẩm. Cơ quan thẩm quyền phải thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc cho Cơ sở được kiểm tra;

d) Tần suất kiểm tra theo kế hoạch không quá 01 lần/cơ sở/năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất quy định tại điểm e khoản này;

đ) Nội dung kiểm tra và biểu mẫu biên bản tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện hành vi vi phạm phải thực hiện lập Biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính và chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định;

e) Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất đối với cơ sở: khi có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm; kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên; khi có cảnh báo của tổ chức trong nước, nước ngoài và các tổ chức quốc tế liên quan đến an toàn thực phẩm; phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến an toàn thực phẩm; Cơ sở có kết quả phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất 2 (hai) lần không đạt liên tiếp.

g) Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan thẩm quyền thông báo kết quả kiểm tra đạt yêu cầu hoặc không đạt và yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp và báo cáo kết quả kèm theo bằng chứng khắc phục trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu;

Trường hợp, cơ sở không có báo cáo hoặc kết quả thực hiện khắc phục không đạt trong thời hạn yêu cầu, Cơ quan thẩm quyền xem xét đưa cơ sở ra khỏi Danh sách xuất khẩu, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP (nếu có); Thông báo kết quả kiểm tra tới tổ chức chứng nhận đã cấp Giấy chứng nhận khác đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, đồng thời đề nghị Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp xem xét, xử lý đối với tổ chức chứng nhận theo quy định của pháp luật.

2. Giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường:

a) Cơ quan thực hiện là Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Hoạt động giám sát do kiểm tra viên đáp ứng yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này thực hiện (trường hợp cần thiết Cơ quan cấp chứng thư thành lập Đoàn để thực hiện giám sát);

c) Tần suất: không quá 1 lần/cơ sở/năm (trừ các cơ sở đã được Cơ quan thẩm quyền kiểm tra về ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều này), việc giám sát phải kết hợp hoạt động thẩm định, chứng nhận lô hàng xuất khẩu và/hoặc thẩm tra, đánh giá hoạt động truy xuất, điều tra xác định nguyên nhân, thiết lập và thực hiện biện pháp khắc phục đối với cơ sở có sản phẩm, lô hàng bị phát hiện không bảo đảm ATTP;

d) Nội dung giám sát theo biểu mẫu Biên bản tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Thông tư này. Trong quá trình giám sát nếu phát hiện hành vi vi phạm phải thực hiện lập Biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính và chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định;

đ) Xử lý kết quả giám sát: Trong thời hạn 3 (ba) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả giám sát, yêu cầu Cơ sở thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi (nếu có);

Trường hợp, Cơ sở không có biện pháp khắc phục theo thời hạn cam kết hoặc kết quả khắc phục không phù hợp, Cơ quan cấp chứng thư tạm ngừng cấp chứng thư và đề xuất thu hồi Giấy chứng nhận ATTP (nếu có), đưa cơ sở ra khỏi Danh sách xuất khẩu theo quy định.

3. Giám sát lô hàng sau chứng nhận

a) Cơ quan cấp chứng thư thực hiện giám sát lô hàng sau chứng nhận kết hợp khi giám sát điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc thẩm định, chứng nhận lô hàng xuất khẩu, thẩm tra, đánh giá hoạt động truy xuất nguồn gốc, điều tra xác định nguyên nhân đối với Cơ sở có sản phẩm, lô hàng bị phát hiện không bảo đảm ATTP hoặc thẩm tra, kiểm tra, giám sát chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phối hợp làm việc với Cơ quan Hải quan (nếu cần) hoặc kết hợp các hoạt động nêu trên;

b) Nội dung giám sát: Xem xét sự nhất quán thông tin, tài liệu, hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến của lô hàng sau khi được chứng nhận so với thông tin trong hồ sơ đăng ký thẩm định, thực tế giám sát tại cơ sở hoặc thông tin của lô hàng tại điểm tập kết, chờ xuất khẩu. Nội dung và kết quả giám sát theo Biểu mẫu tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, Cơ quan cấp chứng thư thực hiện lập biên bản làm việc hoặc Biên bản vi phạm hành chính và chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định, đồng thời có văn bản hủy bỏ hiệu lực Chứng thư (đã cấp).

c) Đối với lô hàng thủy sản sống dùng làm thực phẩm xuất khẩu có xuất xứ từ các cơ sở, địa điểm sản xuất phân bố ở các tỉnh/thành phố khác nhau, các cơ quan cấp chứng thư thực hiện phối hợp triển khai hoạt động giám sát sau chứng nhận để thẩm tra sự phù hợp thông tin truy xuất nguồn gốc của lô hàng đã, đang chờ xuất khẩu, điều kiện đảm bảo ATTP của các cơ sở trong chuỗi sản xuất thuộc địa bàn phụ trách".

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

"**Điều 36. Xử lý trường hợp lô hàng bị cảnh báo, sản phẩm không bảo đảm ATTP trước khi xuất khẩu**

1. Đối với lô hàng bị cảnh báo bởi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi có thông tin cảnh báo chính thức của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có văn bản yêu cầu Cơ sở:

a) Thực hiện truy xuất nguồn gốc lô hàng, tổ chức điều tra xác định nguyên nhân dẫn đến lô hàng bị cảnh báo, thiết lập và thực hiện hành động khắc phục; báo cáo gửi Cơ quan cấp chứng thư theo mẫu nêu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn (đối với trường hợp thu hồi) theo quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Tạm dừng xuất khẩu vào các nước nhập khẩu tương ứng trong trường hợp có yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Chấp hành chế độ lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu vi phạm và chịu sự giám sát việc thực hiện hành động khắc phục bởi Cơ quan cấp chứng thư đối với từng lô hàng xuất khẩu của sản phẩm vi phạm hoặc sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm tương tự vi phạm được sản xuất tại Cơ sở cho đến khi Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này có văn bản chấp thuận báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở.

2. Đối với sản phẩm bị phát hiện không bảo đảm ATTP trước khi xuất khẩu: Cơ quan cấp chứng thư thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 27; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 31 Thông tư này.

3. Trường hợp lô hàng đã xuất khẩu, sản phẩm trước khi xuất khẩu bị phát hiện dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm:

a) Trong thời hạn 3 (ba) ngày kể từ thời điểm nhận được thông tin vi phạm, Cơ quan cấp chứng thư trực tiếp chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý liên quan tại địa phương thực hiện điều tra nguyên nhân trong toàn bộ chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến, xuất khẩu có liên quan đến vụ việc vi phạm.

b) Thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa phạm vi ảnh hưởng của vi phạm, lập biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định (nếu có).

4. Sau khi nhận được báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra báo cáo giải trình của cơ sở, có văn bản gửi Cơ sở kết quả thẩm tra trong trường hợp cần bổ sung thông tin hoặc có văn bản gửi Cơ quan thẩm quyền trong trường hợp thẩm tra báo cáo đạt yêu cầu đối với trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả thẩm tra thực tế tới Cơ sở và báo cáo Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ khi kết thúc hoạt động thẩm tra thực tế;

5. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Cơ quan thẩm quyền đánh giá báo cáo thẩm tra của Cơ quan cấp chứng thư và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới Cơ sở."

36. Sửa đổi tên Điều 37 như sau:

"Điều 37. Cơ sở tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu"

37. Sửa đổi, bổ sung điểm a, d khoản 1 Điều 37 như sau:

"a) Đăng ký với Cơ quan thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận ATTP, thẩm định bổ sung Danh sách xuất khẩu và chấp hành việc thẩm định theo kế hoạch của Cơ quan thẩm quyền;

d) Duy trì điều kiện bảo đảm ATTP đã được chứng nhận; Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thẩm quyền trong trường hợp ngừng sản xuất hoặc có thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi hệ thống quản lý an toàn thực phẩm so với phạm vi đã được thẩm định, chứng nhận;"

38. Bổ sung điểm g vào khoản 1 Điều 38 như sau:

"g) Trường hợp Chủ hàng là tổ chức, cá nhân không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng, Chủ hàng phải xây dựng và áp dụng quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm thủy sản không đảm bảo an toàn; thực hiện giám sát điều kiện bảo quản, thời gian, điều kiện vệ sinh của phương tiện và tính toàn vẹn của sản phẩm trong quá trình vận chuyển từ cơ sở chế biến, bảo quản xuất khẩu theo các quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật An toàn thực phẩm và Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT."

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"Điều 39. Kiểm tra viên thẩm định điều kiện đảm bảo ATTP

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp, căn cứ thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP đối với Cơ sở theo quy định tại Thông tư này;

b) Bảo mật các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh của Cơ sở đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, trung thực, khách quan và không phân biệt đối xử khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Không yêu cầu các nội dung ngoài quy định, gây sách nhiễu, phiền hà cho Cơ sở;

d) Chấp hành sự phân công của trưởng đoàn thẩm định và thủ trưởng Cơ quan thẩm định; chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước thủ trưởng Cơ quan thẩm định và trước pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu, mẫu vật (nếu có) phục vụ cho công tác thẩm định;

b) Ra vào nơi sản xuất, bảo quản, kho hàng; xem xét hồ sơ, lấy mẫu, chụp ảnh, sao chép, ghi chép các thông tin cần thiết để phục vụ cho nhiệm vụ thẩm định;

c) Lập biên bản, đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý trong trường hợp Cơ sở, vi phạm các quy định có liên quan đến bảo đảm ATTP;

d) Bảo lưu ý kiến cá nhân và báo cáo với thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền trong trường hợp chưa nhất trí với ý kiến kết luận của trưởng đoàn thẩm định nêu tại điểm b khoản 2 Điều 40 Thông tư này.”

40. Bổ sung Điều 39a sau Điều 39 như sau:

“**Điều 39a. Kiểm tra viên thẩm định, chứng nhận chất lượng, ATTP**

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp thẩm định, lấy mẫu thẩm tra hiệu quả kiểm soát mối nguy ATTP, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng đăng ký xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này;

b) Bảo mật các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh của Cơ sở đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, trung thực, khách quan và không phân biệt đối xử khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Không yêu cầu các nội dung ngoài quy định, gây sách nhiễu, phiền hà cho Cơ sở;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước thủ trưởng Cơ quan cấp chứng thư và trước pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Chủ hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu, mẫu vật (nếu có) phục vụ cho công tác thẩm định, lấy mẫu phục vụ cho hoạt động chứng nhận;

b) Ra vào nơi sản xuất, bảo quản, kho hàng; xem xét hồ sơ, lấy mẫu, chụp ảnh, sao chép, ghi chép các thông tin cần thiết để phục vụ cho nhiệm vụ thẩm định;

c) Lập biên bản, đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý trong trường hợp chủ hàng, cơ sở sản xuất có vi phạm các quy định có liên quan đến chất lượng, ATTP;

d) Từ chối thực hiện thẩm định trong trường hợp chủ hàng, cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại điểm b, c, khoản 1 Điều 38 Thông tư này."

41. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

"**Điều 40. Trưởng đoàn thẩm định**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định có các trách nhiệm như một kiểm tra viên nêu tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này và các trách nhiệm khác như sau:

a) Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn thẩm định để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định;

b) Xử lý các ý kiến, kết quả thẩm định của các thành viên trong đoàn thẩm định và đưa ra kết luận cuối cùng tại biên bản thẩm định;

c) Rà soát, ký biên bản thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền và trước pháp luật về kết quả đã được đoàn thẩm định thực hiện.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định có các quyền hạn như một kiểm tra viên nêu tại khoản 2 Điều 39 Thông tư này và các quyền hạn khác như sau:

a) Đề xuất với thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh thành viên đoàn thẩm định để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định;

b) Đưa ra kết luận cuối cùng của đoàn thẩm định về kết quả thẩm định."

42. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

"Điều 41. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc

1. Trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm tra hồ sơ, kiểm tra ATTP, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP; thẩm định, bổ sung Danh sách xuất khẩu theo khu vực phân công quản lý;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm tra hồ sơ, kiểm tra ATTP, thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

c) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ có liên quan đến kết quả thẩm tra hồ sơ, thẩm định Cơ sở, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung Danh sách xuất khẩu; kiểm tra, hậu kiểm của các Cơ sở đúng quy định; cung cấp hồ sơ, báo cáo đầy đủ và chính xác về các vấn đề liên quan đến hoạt động thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;

đ) Bảo mật thông tin liên quan đến bí mật sản xuất, kinh doanh của các Cơ sở được thẩm định, cấp Giấy ATTP;

e) Công bố, đăng ký, giới thiệu và cập nhật Danh sách các Cơ sở tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo từng thị trường theo quy định tại Thông tư này;

g) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật Danh mục các thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có yêu cầu Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này;

h) Cập nhật các quy định, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và nước nhập khẩu về điều kiện bảo đảm ATTP thủy sản thông báo đến các Cơ sở, Chủ hàng, các cơ quan, tổ chức có liên quan để thống nhất áp dụng.

2. Quyền hạn:

a) Thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận ATTP; thẩm định, bổ sung cơ sở vào Danh sách xuất khẩu; xử lý đối với các trường hợp Cơ sở vi phạm quy định tại Thông tư này theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu Cơ sở được thẩm định bố trí sản xuất thực tế đối với ít nhất một trong các sản phẩm đăng ký thẩm định với quy trình đầy đủ hoặc sản phẩm rủi ro cao phục vụ hoạt động thẩm định; yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục các điểm chưa phù hợp về điều kiện bảo đảm ATTP đã nêu trong biên bản thẩm định, kiểm tra ATTP; yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục đối với kết quả kiểm nghiệm chỉ tiêu vi phạm về ATTP theo quy định tại Thông tư này;

c) Thông báo đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường, danh sách cơ sở tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu, áp dụng biện pháp tạm dừng cấp Chứng thư đối với Cơ sở không đủ điều kiện bảo đảm ATTP quy định tại Thông tư này;

d) Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền liên quan để xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật."

43. Bổ sung Điều 41a sau Điều 41 như sau:

"Điều 41a. Các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng

1. Trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu theo địa bàn được phân công;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

c) Thực hiện giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo an toàn thực thẩm của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường;

d) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ có liên quan đến hoạt động giám sát duy trì điều kiện đảm bảo ATTP, kết quả thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu của các Cơ sở đúng quy định; cung cấp hồ sơ, báo cáo đầy đủ và chính xác về các vấn đề liên quan đến hoạt động thẩm định, cấp chứng thư xuất khẩu cho lô hàng thủy sản xuất khẩu khi Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc Cục yêu cầu;

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP và thẩm định, cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

e) Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại của Chủ hàng đối với việc thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu theo quy định;

g) Bảo mật thông tin liên quan đến bí mật sản xuất, kinh doanh của các Cơ sở được thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;

h) Quản lý, lập, cập nhật Danh sách ưu tiên theo quy định tại Thông tư này;

i) Báo cáo Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao quy định tại Thông tư này;

2. Quyền hạn:

a) Thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này; từ chối việc thẩm định, cấp Chứng thư trong trường hợp Chủ hàng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định nêu tại khoản 1 Điều 38 Thông tư này;

b) Yêu cầu Cơ sở được thẩm định thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp, sai lỗi về điều kiện bảo đảm ATTP đã nêu trong biên bản thẩm định, biên bản giám sát; thực hiện điều tra nguyên nhân, thiết lập biện pháp khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khắc phục khi Cơ quan cấp chứng thư và Cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu cảnh báo vi phạm về ATTP theo quy định tại Thông tư này;

c) Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền liên quan xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật."

44. Sửa đổi Điều 42 như sau:

"Điều 42. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan phối hợp với Cơ quan cấp chứng thư trong hoạt động truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm thủy sản không bảo đảm an toàn đối với các cơ sở thuộc địa phương quản lý đã cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến xuất khẩu có sản phẩm vi phạm về ATTP."

45. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, Điều, Phụ lục của Thông tư 48/2018/TT-BNNPTNT như sau:

a) Bãi bỏ Điều 16, Chương V

b) Bãi bỏ Phụ lục III, Phụ lục VIII;

c) Bãi bỏ cụm từ "kiểm tra" tại các điểm, khoản sau: tên Điều 7; khoản 2, khoản 3 Điều 13; tên Điều 14; khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 37;

d) Thay thế cụm từ "kiểm tra" bằng cụm từ "thẩm định" tại các điểm, khoản, điều sau: khoản 3 Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 23; tên Chương III; Điều 30; tên Điều 31; khoản 1 Điều 31; khoản 2 Điều 32; khoản 1, khoản 2 Điều 38; Phụ lục XV của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT;

đ) Thay thế cụm từ "Cơ quan kiểm tra, chứng nhận" bằng cụm từ "Cơ quan cấp chứng thư" tại các khoản, điều, Phụ lục sau: khoản 1, khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 30; khoản 1, khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 32; Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 43; Phụ lục XV của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT;

e) Thay thế cụm từ "Cơ quan kiểm tra, chứng nhận" bằng cụm từ "Cơ quan thẩm quyền" tại các điểm, khoản, điều, Phụ lục sau: điểm đ khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 2 Điều 37;

g) Thay thế cụm từ " Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản" bằng cụm từ "Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường" tại điểm b khoản 2 Điều 26;

46. Thay thế Phụ lục I bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục II bằng Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IV bằng Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục V bằng Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VI bằng Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VII bằng Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IX bằng Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục X bằng Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XI bằng Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XII bằng Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XIII bằng Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XIV bằng Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XVI bằng Phụ lục XVIII; Phụ lục XVII bằng Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.

47. Bổ sung Phụ lục IB Biểu mẫu Giám sát ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Cơ sở xếp hạng 1, 2 và trong danh sách ưu tiên trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục duy trì chế độ lấy mẫu thẩm tra mối nguy về ATTP cho đến khi có thay đổi xếp hạng ưu tiên;

b) Hồ sơ đăng ký thẩm định, chứng nhận ATTP; thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản gửi trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu, áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới tương ứng thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thanh Nam

PHỤ LỤC I.A

Mẫu Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

.....(1) .....(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....(3)/BB-KT	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN (*)

Kiểm tra.....(4)

Thực hiện.....(5), hôm nay vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm tại (**)....,.... (2)... tiến hành kiểm tra đối với..... (6)

Lý do lập Biên bản kiểm tra tại trụ sở cơ quan kiểm tra/Đoàn kiểm tra hoặc địa điểm khác:...

I. Thành phần Đoàn kiểm tra

1..... chức vụ: Trưởng đoàn

2..... Thành viên

3.....

II. Đại diện cơ sở được kiểm tra

1..... chức danh:

2.....

III. Với sự tham gia của (nếu có):

1..... chức vụ:

2.....

IV. Nội dung và kết quả kiểm tra

.....(7)

.....

V. Nhận xét, kiến nghị và xử lý

1..... (8)

2..... (9)

3.....(10)

VI. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

.....

Biên bản kiểm tra được lập xong hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....; biên bản đã được đọc lại cho những người tham gia kiểm tra và đại diện cơ sở được kiểm tra cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên, Biên bản được lập thành 03 bản có nội dung và có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 02 bản Đoàn kiểm tra lưu giữ./.

<Trường hợp đại diện cơ sở không ký biên bản kiểm tra>

Lý do ông (bà).... là đại diện cơ sở không ký biên bản kiểm tra:.....

Đại diện cơ sở được kiểm tra *(***)*	**Trưởng đoàn kiểm tra**
(Ký, ghi rõ họ tên), đóng dấu (nếu có)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Các thành viên tham gia kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến	**Đại diện chính quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên), (nếu có)	*(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên) (nếu có)*

Ghi chú:

(*) Mẫu này được sử dụng để lập biên bản kiểm tra ATTP đối với cơ sở nêu tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

(**) Ghi địa chỉ nơi tiến hành kiểm tra (địa chỉ trụ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh).

(***) Trường hợp đại diện cơ sở không ký biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải bảo đảm sự có mặt của đại diện Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn nơi xảy ra vi phạm hoặc ít nhất 01 người chứng kiến để ký xác nhận.

- Trường hợp người chứng kiến thì ghi họ và tên, nghề nghiệp, địa chỉ liên hệ của người đó.

- Trường hợp đại diện chính quyền cấp xã thì ghi họ và tên, chức vụ của người đại diện và tên của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn nơi xảy ra vi phạm.

(1) Tên cơ quan kiểm tra.

(2) Đoàn kiểm tra Quyết định số..., ví dụ: Đoàn kiểm tra Quyết định số /QĐ----.

(3) Ghi số thứ tự cơ sở được kiểm tra do Đoàn kiểm tra thực hiện, ví dụ: Đoàn kiểm tra Quyết định số..../QĐ-..... được giao nhiệm vụ kiểm tra 09 cơ sở thì Biên bản kiểm tra được đánh số từ 01, 02, 03... đến 09.

(4) Ghi phù hợp tên, tiêu đề hoặc trích yếu của Quyết định kiểm tra.

(5) Ghi Quyết định kiểm tra.

(6) Tên, địa chỉ, điện thoại và các thông tin về cơ sở được kiểm tra theo đăng ký doanh nghiệp,

(7) Kiểm tra và đánh giá các nội dung về điều kiện chung về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này); nếu có lấy mẫu ghi có biên bản lấy mẫu kèm theo; yêu cầu xuất trình các giấy tờ, tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá và thu thập bản sao có đóng dấu của cơ sở các giấy tờ, tài liệu liên quan.

(8) Đánh giá các nội dung cơ sở đã chấp hành.

(9) Ghi cụ thể từng nội dung tồn tại, vi phạm.

(10) Các nội dung Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở thực hiện/chấp hành/sửa chữa/khắc phục v.v..., ghi cụ thể từng nội dung, thời hạn thực hiện v.v... ví dụ: Đoàn kiểm tra yêu cầu công ty A... gửi về Cơ quan kiểm tra, địa chỉ... trước ngày... tháng... năm.... v.v..

PHỤ LỤC II

Danh mục mẫu Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại hình cơ sở	Ký hiệu Biểu mẫu
1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật	BB 1.1
2	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn	BB 1.2
3	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	BB 1.3
4	Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	BB 1.4
5	Cảng cá	BB 1.5
6	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 1.6
7	Cơ sở giết mổ động vật tập trung	BB 2.1
8	Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.2
9	Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.3
10	Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.4
11	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.5
12	Cơ sở sản xuất chế biến muối	BB 2.6
13	Cơ sở kinh doanh muối	BB 2.7
14	Cơ sở sản xuất muối	BB 2.8

PHỤ LỤC III
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
.....
2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
.....
3. Điện thoại..... Email.....
4. Mã số đăng ký kinh doanh: .....
5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị..... *(tên cơ quan có thẩm quyền)*..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp: .....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

2. Địa chỉ: .....

3. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước □ DN 100% vốn nước ngoài ..... □

DN liên doanh với nước ngoài □ DN Cổ phần .. □

DN tư nhân □ Khác □

(ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động:.....

5. Công suất thiết kế/Diện tích sản xuất:.....

6. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....

7. Thị trường tiêu thụ chính:.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m^2, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm:..... m^2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh:..... m^2

+ Khu vực đóng gói thành phẩm:..... m^2

+ Khu vực/kho bảo quản thành phẩm:..... m^2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác:..... m^2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng □ Nước giếng khoan □

Hệ thống xử lý: Có □ Không □

Phương pháp xử lý:.....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất □ Mua ngoài □

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:.....

4. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số:..... người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:..... người.

+ Lao động gián tiếp:..... người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) đã được xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:..... người; trong đó..... của cơ sở và..... đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở □ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài □ Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS
.....
(tên Cơ quan cấp giấy)
CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/ Establishment:
*Mã số đăng ký kinh doanh/*Registration number*: (*)*
*Địa chỉ/*Address*:*
*Điện thoại/*Tel*:* *Email:*

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:
1.
2.
3.
*Số cấp/*Number: */XXXX/CƠ QUAN THẨM QUYỀN CẤP-YYY*
Có hiệu lực đến ngày tháng năm
Valid until (date/month/year)

....., ngày tháng năm/
..., day/month/year
(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy.

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh, Thành phố theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

(*): Ghi mã số doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp.

BB 1.1

(TÊN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở:
2. Địa chỉ:
3. Mã số đăng ký kinh doanh số: ngày cấp nơi cấp
4. Số điện thoại: Số Fax (*nếu có*):
5. Mã số *(nếu có)*:
6. Mặt hàng sản xuất (trồng trọt, thu hái...):
7. Ngày thẩm định:
8. Hình thức thẩm định:
9. Thành phần Đoàn thẩm định: 1)
   2)
   3)
10. Đại diện cơ sở: 1)
    2)

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Địa điểm sản xuất** (Có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác)			

BB1.1

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
2	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Đất trồng và giá thể** (Đáp ứng quy định về hàm lượng các kim loại nặng trong đất đối với đất nông nghiệp)			
3	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm b; Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Nước tưới** (đáp ứng giới hạn các kim loại nặng, vi sinh vật (đối với nước sử dụng trong sản xuất rau ăn sống, quả ăn ngay) theo quy định về chất lượng nước mặt; đối với nước sử dụng trong sản xuất rau mầm đáp ứng quy định về chất lượng nước sinh hoạt)			
4	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Cây giống** (giống cây trồng được quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành)			
5	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Phân bón** (đã được quyết định công nhận lưu hành; phân chuồng được xử lý (ủ) trước khi sử dụng; bảo quản phân bón, phối trộn, sử dụng phân bón không gây ô nhiễm cho sản phẩm...)			
6	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thuốc bảo vệ thực vật** (có trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam, sử dụng 4 đúng...; lưu giữ, bảo quản thuốc BVTV, hóa chất đảm bảo an toàn cho người sử dụng và sản phẩm...)			
7	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm d; Điều 23, Khoản 1, Điểm d; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV, chất thải, nước thải** (Có biện pháp thu gom, xử lý đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; biện pháp xử lý chất thải, nước thải không gây ô nhiễm cho sản phẩm và môi trường...)			

BB 1.1

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
8	**Luật ATTP:** Điều 18; Điều 19, Khoản 1, Điểm b, c; Điều 23, Khoản 1, Điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thu hoạch, sơ chế** (thu hoạch đảm bảo thời gian cách ly thuốc BVTV; nước dùng cho sơ chế đáp ứng quy định về nước sinh hoạt; vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; tuân thủ quy định về vệ sinh công nhân, vệ sinh nhà xưởng trang thiết bị - nếu có cơ sở sơ chế gắn liền;...)			
9	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm e; Điều 23, Khoản 1, Điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân** (người trực tiếp sản xuất đảm bảo sức khỏe để sản xuất; có kiến thức ATTP; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý...)			
10	**Luật ATTP:** Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Ghi chép, truy xuất nguồn gốc** (có ghi chép việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón, thời gian, khối lượng thu hoạch và nơi tiêu thụ sản phẩm...)			
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /10 nhóm chỉ tiêu					

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...)

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

BB 1.1

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định**:**

2. Đề xuất xếp loại cơ sở: (Đạt/Không đạt)

Đạt □

Không đạt □ **(Có thể/Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP)**

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

Biên bản được lập thành..... bản, có giá trị như nhau. *Giao cơ sở 01 bản, đoàn thẩm định 01 bản,... (cơ quan có liên quan) 01 bản....*

....., ngày tháng năm	*....., ngày tháng năm*
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên)*

BB 1.1

VII. THẨM TRA BÁO CÁO KHẮC PHỤC *(áp dụng đối với trường hợp nội dung cần khắc phục có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận ATTP)*

1. Tên cơ sở:

2. Mã số đăng ký kinh doanh:

3. Ngày thẩm định

4. Thông tin Báo cáo khắc phục:

- Số văn bản, ngày:

- Ngày nhận được báo cáo:

5. Đánh giá báo cáo khắc phục

Nhóm chỉ tiêu	Điểm không phù hợp tại Biên bản thẩm định ngày....	Biện pháp khắc phục của cơ sở	Đánh giá của Đoàn thẩm định

6. Nhận xét về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sau khi thực hiện báo cáo hành động khắc phục (Đạt/Không đạt):.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký tên)

BB 1.1

HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI VÀ HOÀN THIỆN BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tài liệu này hướng dẫn thẩm định, đánh giá phân loại điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu (trồng trọt, thu hái, sơ chế gắn với trồng trọt) thực phẩm có nguồn gốc thực vật.

II. HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI

A. Ghi biên bản thẩm định:

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.

- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.

- Kết quả đánh giá chỉ tiêu là "Đạt" hoặc "Không đạt" và diễn giải điểm không phù hợp tương ứng với mỗi nhóm chỉ tiêu "Không đạt" đã được Đoàn thẩm định phát hiện thông qua quan sát, phỏng vấn, hồ sơ, tài liệu tại hiện trường, thời hạn cơ sở phải khắc phục các điểm không phù hợp sau khi thống nhất với đại diện cơ sở và điều khoản tham chiếu thẩm định (theo quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.

- Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn thẩm định.

- Điểm 2 Mục VI. Đề xuất phân loại cơ sở (Đạt/Không đạt). Trường hợp Không đạt ghi chú thêm Có thể hay Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP.

- Mục VIII. Thẩm tra báo cáo khắc phục chỉ áp dụng đối với trường hợp các điểm chưa phù hợp có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận và sau khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở.

B. Nguyên tắc đánh giá:

- Nhóm chỉ tiêu được đánh giá đạt khi tuân thủ quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Đoàn thẩm định có thể đưa ra các khuyến nghị để cơ sở xem xét cải tiến trong hoạt động kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm tại Nhóm chỉ tiêu đánh giá tương ứng.

C. Hướng dẫn phân loại

1. Phân loại ĐẠT:

- Cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định và được đánh giá "ĐẠT" đối với tất cả nhóm chỉ tiêu được đánh giá.

BB 1.1

2. Phân loại KHÔNG ĐẠT:

Cơ sở có ít nhất 01 nhóm chỉ tiêu đánh giá trở lên trong số các nhóm chỉ tiêu được đánh giá có kết quả "Không đạt". Trường hợp cơ sở còn tồn tại điểm không phù hợp và có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận trên cơ sở thẩm định đánh giá thực tế nguồn lực, khả năng khắc phục và cam kết của cơ sở, Đoàn thẩm định ghi nội dung: yêu cầu cơ sở gửi báo cáo khắc phục điểm không phù hợp kèm theo bằng chứng khắc phục về Cơ quan thẩm quyền. Lưu ý thời gian khắc phục phải đảm bảo để Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc Thông báo không đạt tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ là 15 ngày.

D. Hướng dẫn đánh giá đối với từng chỉ tiêu:

1. Địa điểm sản xuất:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Địa điểm sản xuất** (Có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác)			

1.1. Yêu cầu:

Cơ sở sản xuất phải có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác.

1.2. Phạm vi:

Toàn bộ khu vực sản xuất và các khu vực phụ trợ.

1.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

Khu vực sản xuất và các khu vực phụ trợ có khoảng cách an toàn nhằm giảm thiểu ô nhiễm khói bụi, chất thải, hóa chất độc hại từ hoạt động giao thông, công nghiệp, làng nghề, khu dân cư, bệnh viện, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, nghĩa trang, bãi rác và các nguồn gây ô nhiễm khác.

BB 1.1

2. Đất trồng và giá thể

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
2	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Đất trồng và giá thể** (Đáp ứng quy định về hàm lượng các kim loại nặng trong đất đối với đất nông nghiệp)			

2.1. Yêu cầu:

Đất trồng và giá thể đáp ứng quy định về hàm lượng các kim loại nặng trong đất đối với đất nông nghiệp.

2.2. Phạm vi:

Đất trồng và giá thể tại khu vực sản xuất.

2.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Đất trồng hoặc giá thể đảm bảo không là nguồn gây nhiễm tới sản phẩm.

- Kết quả phân tích mẫu đất/giá thể đáp ứng quy định về hàm lượng các kim loại nặng trong đất đối với đất nông nghiệp. Chỉ áp dụng đối với kim loại nặng được quy định trong thực phẩm đối với cây trồng đang sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

Đối với cơ sở đã có kết quả phân tích mẫu đất/giá thể đáp ứng quy định. Khi thẩm định lại, đánh giá nguy cơ gây ô nhiễm kim loại nặng cho đất/giá thể từ thời điểm có kết quả phân tích đến thời điểm hiện tại. Nếu không có nguy cơ hoặc nguy cơ thấp không phải lấy mẫu đất/giá thể phân tích.

3. Nước tưới

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục Không đạt
			Đạt	Không đạt	
3	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm b; Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Nước tưới** (đáp ứng giới hạn các kim loại nặng, vi sinh vật (đối với nước sử dụng trong sản xuất rau ăn sống, quả ăn ngay) theo quy định về chất lượng nước mặt; đối với nước sử dụng trong sản xuất rau mầm đáp ứng quy định về chất lượng nước sinh hoạt)			

BB 1.1

3.1. Yêu cầu:

- Nước tưới đáp ứng quy định về nước có thể sử dụng cho mục đích nông nghiệp, không là nguồn gây ô nhiễm cho sản phẩm; nước tưới trong sản xuất rau mầm phải đạt chất lượng nước sinh hoạt.

3.2. Phạm vi:

- Toàn bộ khu vực sản xuất, hệ thống nước tưới.

3.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Có nguồn nước đủ cung cấp và bảo đảm an toàn để tưới cho cây trồng.

- Hệ thống cung cấp nước (bể chứa, ống dẫn, vòi...) không là nguồn gây ô nhiễm cho sản phẩm cây trồng.

- Kết quả phân tích mẫu nước dùng để tưới cho cây trồng có hàm lượng kim loại nặng không vượt quá giới hạn tối đa cho phép quy định đối với chất lượng nước mặt/nước dưới đất. Chỉ áp dụng các kim loại nặng được quy định trong thực phẩm đối với cây trồng đang sản xuất hoặc dự kiến sản xuất; đối với nước sử dụng trong sản xuất rau ăn sống, quả ăn ngay ngoài đáp ứng quy định về mức giới hạn kim loại nặng phải đáp ứng ngưỡng giới hạn tối đa cho phép về vi sinh vật (*E. coli*); nước sử dụng trong sản xuất rau mầm đáp ứng các quy định về chất lượng nước sinh hoạt.

Đối với cơ sở đã có kết quả phân tích mẫu nước dùng để tưới cho cây trồng đáp ứng quy định về chất lượng nước mặt đối với các kim loại nặng, vi sinh vật. Khi thẩm định lại, đánh giá nguy cơ gây ô nhiễm kim loại nặng, vi sinh vật cho nguồn nước từ thời điểm có kết quả phân tích đến thời điểm hiện tại. Nếu không có nguy cơ hoặc nguy cơ thấp không phải lấy mẫu nước phân tích.

4. Cây giống

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
4	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Cây giống** (giống cây trồng được quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành)			

4.1. Yêu cầu:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng giống cây trồng;

4.2. Phạm vi:

- Cây trồng tại cơ sở, vùng trồng.

BB 1.1

4.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

Giống cây trồng đã được cấp Quyết định lưu hành hoặc Quyết định lưu hành đặc cách hoặc đã tự công bố lưu hành hoặc Quyết định công nhận giống cây trồng mới hoặc giống cây trồng có trong Danh mục giống được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

5. Phân bón

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
5	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Phân bón** (đã được quyết định công nhận lưu hành; phân chuồng được xử lý (ủ) trước khi sử dụng; bảo quản phân bón, phối trộn, sử dụng phân bón không gây ô nhiễm cho sản phẩm...)			

5.1. Yêu cầu:

- Phân bón không là nguồn gây ô nhiễm cho sản phẩm, nguồn nước.

5.2. Phạm vi:

- Kho chứa/bảo quản phân bón, bao bì (nếu có).
- Nơi xử lý (ủ), phối trộn phân bón.
- Việc sử dụng phân bón trên thực tế.

5.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Phân bón đã được cấp quyết định công nhận lưu hành;
- Phân chuồng được xử lý (ủ) trước khi sử dụng;
- Bảo quản phân bón, phối trộn, sử dụng phân bón không gây ô nhiễm cho sản phẩm, nguồn nước.

6. Thuốc bảo vệ thực vật

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
6	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thuốc bảo vệ thực vật** (có trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam, sử dụng 4 đúng...; lưu giữ, bảo quản thuốc BVTV, hóa chất đảm bảo an toàn cho người sử dụng và sản phẩm...)			

BB 1.1

6.1. Yêu cầu:

- Thuốc bảo vệ thực vật được lưu trữ, phối trộn, sử dụng đúng cách, không là nguồn gây ô nhiễm cho sản phẩm, nguồn nước, đất trồng.

6.2. Phạm vi:

- Kho chứa, nơi pha thuốc.

- Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên thực tế.

6.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Thuốc bảo vệ thực vật có trong danh mục được phép sử dụng;

- Người sử dụng đã được tập huấn và sử dụng theo đúng hướng dẫn trên bao bì thuốc (đúng cách, đúng liều, đúng loại bệnh và đúng thời gian cách ly).

- Bảo quản thuốc bảo vệ thực vật theo đúng hướng dẫn; nơi pha thuốc, xử lý thuốc BVTV đã pha trộn sử dụng thừa không gây ô nhiễm cho sản phẩm, nguồn nước, đất trồng.

Nếu không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, bỏ qua chỉ tiêu này.

7. Biện pháp thu gom, xử lý đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã sử dụng

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
7	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm d; Điều 23, Khoản 1, Điểm d; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV, chất thải, nước thải** (Có biện pháp thu gom, xử lý đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; biện pháp xử lý chất thải, nước thải không gây ô nhiễm cho sản phẩm và môi trường...)			

7.1. Yêu cầu:

- Bao bì thuốc bảo vệ thực vật không là nguồn gây ô nhiễm cho sản phẩm.

- Việc thu gom, xử lý chất thải, nước thải theo đúng quy định, không gây ô nhiễm sản phẩm và môi trường.

7.2. Phạm vi:

- Khu vực trồng trọt.

- Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên thực tế (nếu có).

- Hệ thống (địa điểm) thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật; việc xử lý chất thải, kênh mương xử lý nước thải.

BB 1.1

7.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Việc thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng của người sản xuất đã tuân thủ theo hướng dẫn trên bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

- Việc thu gom, xử lý chất thải, nước thải theo đúng quy định, không gây ô nhiễm sản phẩm, đất, nguồn nước tại nơi sản xuất và môi trường xung quanh.

8. Thu hoạch, sơ chế

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
8	**Luật ATTP:** Điều 18; **Điều 19, Khoản 1,** Điểm b, c; **Điều 23, Khoản 1,** Điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thu hoach, sơ chế** (thu hoạch đảm bảo thời gian cách ly thuốc BVTV; nước dùng cho sơ chế đáp ứng quy định về nước sinh hoạt; vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; tuân thủ quy định về vệ sinh công nhân, vệ sinh nhà xưởng trang thiết bị - nếu có cơ sở sơ chế gắn liền;...)			

8.1. Yêu cầu:

- Thu hoạch đảm bảo thời gian cánh ly thuốc BVTV.

- Nước dùng cho sơ chế đáp ứng quy định về nước sinh hoạt.

- Vật liệu bao gói được sản xuất từ nguyên vật liệu an toàn, bảo đảm không thôi nhiễm các chất độc hại, mùi vị lạ vào thực phẩm, bảo đảm chất lượng thực phẩm trong thời hạn sử dụng.

- Nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ dùng để thu hoạch, sơ chế, đóng gói phù hợp với từng loại sản phẩm, sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ.

- Công nhân tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm trong quá trình thu hoạch, sơ chế sản phẩm.

8.2. Phạm vi:

- Nguồn nước, hệ thống nước (bể chứa, ống dẫn, vòi...) dùng để sơ chế sản phẩm.

- Khu vực thu gom, sơ chế, đóng gói sản phẩm.

- Kho, khu vực chứa vật liệu bao gói sản phẩm.

- Thực hành của người sản xuất.

BB 1.1

8.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Thu hoạch đảm bảo thời gian cánh ly thuốc BVTV (nếu có sử dụng thuốc BVTV).

- Nước dùng cho sơ chế đáp ứng quy định về nước sinh hoạt.

- Vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm, đủ bền, chắc để bảo vệ sản phẩm không bị ô nhiễm.

- Khu vực thu gom, sơ chế, đóng gói sản phẩm phải sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ.

- Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thu hoạch, sơ chế phải được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng, không gây ô nhiễm cho sản phẩm.

- Người sản xuất tuân thủ các quy định về ATTP.

9. Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
9	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm e; Điều 23, Khoản 1, Điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân** (người trực tiếp sản xuất đảm bảo sức khỏe để sản xuất; có kiến thức ATTP; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý...)			

9.1. Yêu cầu:

- Người trực tiếp sản xuất có kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định, được khám sức khỏe theo quy định.

- Bố trí nhà vệ sinh hợp lý, cách biệt khu vực sản xuất.

9.2. Phạm vi:

- Người trực tiếp sản xuất, thu hoạch, sơ chế, đóng gói.

- Khu vực vệ sinh, hướng dẫn và thực hành vệ sinh cá nhân.

9.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Người trực tiếp sản xuất đã được phổ biến, tập huấn về kiến thức về an toàn thực phẩm, tuân thủ hướng dẫn vệ sinh cá nhân; người thực hiện công việc sơ chế, đóng gói sản phẩm được khám sức khỏe theo quy định.

BB 1.1

- Khu vực vệ sinh cách biệt với khu vực sản xuất, sơ chế, đóng gói và có hướng dẫn vệ sinh cá nhân.

10. Ghi chép và truy xuất nguồn gốc

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
10	**Luật ATTP:** Điều 11, Khoản 2; Điều 19 Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Ghi chép, truy xuất nguồn gốc** (có ghi chép việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón, thời gian, khối lượng thu hoạch và nơi tiêu thụ sản phẩm...)			

10.1. Yêu cầu:

- Có khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xác định được thời gian, khối lượng thu hoạch, bán và nơi tiêu thụ sản phẩm.

- Có ghi chép việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

10.2. Phạm vi:

- Ghi chép, hóa đơn (nếu có) về nguồn gốc và sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

- Ghi chép việc thu hoạch, mua bán sản phẩm.

10.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Có hồ sơ ghi chép theo dõi nguồn cung cấp và việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (ngày mua, nơi mua, tên hàng hóa, khối/số lượng, việc sử dụng, thời gian cách ly...).

- Có ghi chép theo dõi thu hoạch, phân phối sản phẩm (ngày, tên sản phẩm, khối lượng, thông tin người mua).

- Biện pháp xử lý khi sản phẩm không đảm bảo ATTP (nếu có).

BB 1.2

(TÊN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: (*nếu có*):

4. Mã số đăng ký kinh doanh:

5. Mặt hàng sản xuất (chăn nuôi):

6. Ngày thẩm định:

7. Thành phần Đoàn thẩm định: 1)
2)
3)

8. Đại diện cơ sở: 1)
2)

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ HÀNH CHÍNH, PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (có/không):

Số:..... Ngày cấp:.....

2. Xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

☐ Đáp ứng quy định ☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

3. Xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp

☐ Đáp ứng quy định ☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

BB 1.2

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Địa điểm sản xuất** (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp... tránh gây ô nhiễm cho người...)			
2	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Kết cấu, bố trí trại nuôi** (đủ diện tích; kết cấu hợp lý; dễ làm vệ sinh; các khu vực nuôi khác nhau có tường rào ngăn cách; có hệ thống vệ sinh sát trùng...)			
3	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Con giống** (có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm; tuân thủ đúng quy trình nhập đàn: nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại...)			
4	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thức ăn** (thức ăn có trong danh mục được phép sử dụng; việc trộn thức ăn, sử dụng thức ăn theo đúng quy định, phù hợp giai đoạn chăn nuôi; kho chứa, bảo quản đúng cách...)			
5	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, sinh trưởng...** (có trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng đúng quy định; bảo quản đúng cách; tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất...)			

BB 1.2

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
6	**Luật ATTP:** Điều 11, Khoản 3; Điều 23, Khoản 1, Điểm b, c; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Vật nuôi** (tuân thủ quy định về kiểm dịch, có chứng nhận vệ sinh thú y; tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh; cách ly khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh; xuất bán....)			
7	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm c,d; Điều 23, Khoản 1, Điểm d, đ; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải** (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp vệ sinh chăn nuôi, sát trùng chuồng trại; sử dụng chất tẩy rửa, khử trùng nằm trong danh mục được phép sử dụng; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)			
8	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm c; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Nước uống, nước cấp, thiết bị chăn nuôi** (nước uống cho vật nuôi đáp ứng quy định QCVN 01-39:2011/BNNPTNT; thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gỉ sét; không gây độc cho vật nuôi; dễ làm vệ sinh...)			
9	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm e. **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân** (người trực tiếp sản xuất bảo đảm sức khỏe để sản xuất; có kiến thức ATTP theo quy định; được trang bị bảo hộ lao động; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý...)			

BB 1.2

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
10	**Luật ATTP:** Điều 11, Khoản 2 Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e. **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Ghi chép, truy xuất nguồn gốc** (có quy định về vệ sinh chuồng trại...; có ghi chép việc sử dụng thuốc hóa chất, thuốc thú y, thức ăn, thời gian xuất chuồng...)			
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /10 nhóm chỉ tiêu					

IV. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

V. LẤY MẪU *(nếu có):*

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

***(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:**

VI. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

2. Đề xuất phân loại cơ sở:

Đạt ☐

Không đạt ☐ (**Có thể/Không thể** khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP)

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

BB 1.2

VII. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

Biên bản được lập thành..... bản, có giá trị như nhau. Giao cơ sở 01 bản, đoàn thẩm định 01 bản,... (cơ quan có liên quan) 01 bản....

....., ngày tháng năm	*....., ngày tháng năm*
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên)*

BB 1.2

VIII. THẨM TRA BÁO CÁO KHẮC PHỤC *(áp dụng đối với trường hợp nội dung cần khắc phục có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận ATTP)*

1. Tên cơ sở:

2. Mã số đăng ký kinh doanh:

3. Ngày thẩm định

4. Thông tin Báo cáo khắc phục:

- Số văn bản, ngày:

- Ngày nhận được báo cáo:

5. Đánh giá báo cáo khắc phục

Nhóm chỉ tiêu	Điểm chưa phù hợp tại Biên bản thẩm định ngày....	Biện pháp khắc phục của cơ sở	Đánh giá của Đoàn thẩm định

6. Nhận xét về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sau khi thực hiện báo cáo hành động khắc phục (Đạt/Không đạt):.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký tên)

BB 1.2

HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI VÀ HOÀN THIỆN BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Biểu mẫu dùng để thẩm định, đánh giá phân loại điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

II. HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI

A. Ghi biên bản thẩm định:

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.

- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.

- Kết quả đánh giá chỉ tiêu là "Đạt" hoặc "Không đạt" và diễn giải điểm không phù hợp tương ứng với mỗi nhóm chỉ tiêu "Không đạt" đã được Đoàn thẩm định phát hiện thông qua quan sát, phỏng vấn, hồ sơ, tài liệu tại hiện trường, thời hạn cơ sở phải khắc phục các điểm không phù hợp sau khi thống nhất với đại diện cơ sở và điều khoản tham chiếu thẩm định (theo quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định của thị trường nhập khẩu mà cơ sở có đăng ký xuất khẩu).

- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.

- Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn thẩm định.

- Điểm 2 Mục VI. Đề xuất phân loại cơ sở (Đạt/Không đạt). Trường hợp Không đạt ghi chú thêm Có thể hay Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP.

- Mục VIII. Thẩm tra báo cáo khắc phục chỉ áp dụng đối với trường hợp các điểm chưa phù hợp có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận và sau khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở.

B. Nguyên tắc đánh giá:

- Nhóm chỉ tiêu được đánh giá đạt khi tuân thủ quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của thị trường nhập khẩu mà cơ sở có đăng ký xuất khẩu (áp dụng đối với Cơ quan thẩm quyền Trung ương).

- Đoàn thẩm định có thể đưa ra các khuyến nghị để cơ sở xem xét cải tiến trong hoạt động kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm tại Nhóm chỉ tiêu đánh giá tương ứng.

BB 1.2

C. Hướng dẫn phân loại

1. Phân loại ĐẠT:

Cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định và được đánh giá "ĐẠT" đối với tất cả nhóm chỉ tiêu được đánh giá.

2. Phân loại KHÔNG ĐẠT:

Cơ sở có ít nhất 01 nhóm chỉ tiêu đánh giá trở lên trong số các nhóm chỉ tiêu được đánh giá có kết quả "Không đạt". Trường hợp cơ sở còn tồn tại điểm không phù hợp và có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận trên cơ sở thẩm định đánh giá thực tế nguồn lực, khả năng khắc phục và cam kết của cơ sở, Đoàn thẩm định ghi nội dung: yêu cầu cơ sở gửi báo cáo khắc phục sai lỗi kèm theo bằng chứng khắc phục về Cơ quan thẩm quyền. Lưu ý thời gian khắc phục phải đảm bảo để Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc Thông báo không đạt tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ là 15 ngày.

D. Hướng dẫn đánh giá đối với từng chỉ tiêu:

1. Địa điểm sản xuất:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 23, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Địa điểm sản xuất** (có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp... tránh gây ô nhiễm cho người...)			

1.1. Yêu cầu:

Cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn gốc động vật phải có địa điểm, diện tích thích hợp, bảo đảm để sản xuất thực phẩm an toàn; không gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh.

1.2. Phạm vi:

Toàn bộ khu vực sản xuất và các khu vực phụ trợ.

1.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

BB 1.2

- Cơ sở sản xuất sản phẩm nông sản có nguồn gốc động vật phải có địa điểm, diện tích thích hợp, bảo đảm để sản xuất thực phẩm an toàn;

- Có khoảng cách thích hợp, không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân ô nhiễm từ môi trường xung quanh (khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp...).

- Không gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh.

2. Kết cấu, bố trí trại nuôi

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
2	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm a; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Kết cấu, bố trí trại nuôi** (đủ diện tích; kết cấu hợp lý; dễ làm vệ sinh; các khu vực nuôi khác nhau có tường rào ngăn cách; có hệ thống vệ sinh sát trùng...)			

2.1. Yêu cầu:

- Kết cấu, bố trí trại nuôi hợp lý, dễ làm vệ sinh, có hệ thống sát trùng.

2.2. Phạm vi:

- Toàn bộ trại nuôi và xung quanh khu vực sản xuất.

2.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Trại nuôi có đủ diện tích; kết cấu hợp lý; dễ làm vệ sinh;

- Các khu vực nuôi khác nhau có tường rào ngăn cách;

- Có hệ thống vệ sinh sát trùng...

3. Con giống

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
3	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Con giống** (có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm; tuân thủ đúng quy trình nhập đàn: nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại...)			

BB 1.2

3.1. Yêu cầu:

- Con giống có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng, tuân thủ quy trình nhập đàn.

3.2. Phạm vi:

- Vật nuôi tại trang trại.
- Hồ sơ mua con giống (nếu có), hồ sơ tiêm phòng, sát trùng chuồng trại.

3.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Con giống có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm;
- Tuân thủ đúng quy trình nhập đàn: nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại...

4. Thức ăn

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
4	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thức ăn** (thức ăn có trong danh mục được phép sử dụng; việc trộn thức ăn, sử dụng thức ăn theo đúng quy định, phù hợp giai đoạn chăn nuôi; kho chứa, bảo quản đúng cách...)			

4.1. Yêu cầu:

- Thức ăn không là nguồn lây nhiễm cho sản phẩm.

4.2. Phạm vi:

- Kho chứa/bảo quản thức ăn (nếu có).
- Khu vực sản xuất, phối trộn thức ăn (nếu có).
- Việc sử dụng thức ăn trên thực tế.

4.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Thức ăn có thành phần trong danh mục được phép sử dụng;
- Việc trộn thức ăn, sử dụng thức ăn theo đúng quy định, phù hợp giai đoạn chăn nuôi;
- Bảo quản đúng cách...

BB 1.2

5. Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
5	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục**... (có trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng đúng quy định; bảo quản đúng cách; tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất...)			

5.1. Yêu cầu:

- Việc sử dụng thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục... theo đúng quy định.

5.2. Phạm vi:

- Kho chứa, hóa đơn mua thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục...

- Việc sử dụng thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục... trên thực tế (nếu có).

5.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục... có trong danh mục được phép sử dụng;

- Việc sử dụng đúng quy định; bảo quản đúng cách;

- Tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất...

6. Vật nuôi

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
6	**Luật ATTP:** Điều 11, Khoản 3; Điều 23, Khoản 1, Điểm b, c; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Vật nuôi** (tuân thủ quy định về kiểm dịch, có chứng nhận vệ sinh thú y; tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh; cách ly khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh; xuất bán....)			

BB 1.2

6.1. Yêu cầu:

- Vật nuôi tuân thủ đúng quy định về kiểm dịch, tiêm phòng, cách ly.

6.2. Phạm vi:

- Vật nuôi trong trang trại chăn nuôi.

- Hồ sơ nuôi, kiểm soát dịch bệnh, nhập vật nuôi và xuất bán hàng.

6.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Vật nuôi tuân thủ quy định về kiểm dịch, có chứng nhận vệ sinh thú y;

- Có tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh; cách ly khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh; xuất bán....

- Nhà cung cấp con giống. Kết quả thử nghiệm giống vật nuôi (nếu là giống lạ, giống mới) theo quy định.

7. Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
7	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm c, d; Điều 23, Khoản 1, Điểm d, đ; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải** (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp vệ sinh chăn nuôi, sát trùng chuồng trại; sử dụng chất tẩy rửa, khử trùng nằm trong danh mục được phép sử dụng; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)			

7.1. Yêu cầu:

- Có biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt hiệu quả động vật gây hại.

- Chuồng trại được vệ sinh, sát trùng.

BB 1.2

- Chất thải rắn, nước thải được thu gom, xử lý theo quy định, tránh gây ô nhiễm ra môi trường.

7.2. Phạm vi:

- Khu vực chăn nuôi và xung quanh trang trại chăn nuôi.

- Hệ thống thoát nước thải, khu vực thu gom chất thải rắn.

- Hồ sơ kiểm soát (nếu có).

7.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại không han gỉ, dễ tháo rời để bảo dưỡng và làm vệ sinh, thiết kế bảo đảm hoạt động hiệu quả phòng chống côn trùng và động vật gây hại.

- Có biện pháp vệ sinh trại chăn nuôi, sát trùng chuồng trại; sử dụng chất tẩy rửa, khử trùng nằm trong danh mục được phép sử dụng.

- Rãnh thoát nước thải: không thấm nước, thoát nhanh, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; nước thải phải được xử lý trước khi đổ vào môi trường.

- Có dụng cụ, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...

8. Nước uống, thiết bị chăn nuôi

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
8	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm c; **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Nước uống, nước cấp, thiết bị chăn nuôi** (nước uống cho vật nuôi đáp ứng quy định QCVN 01-39:2011/BNNPTNT; thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gỉ sét; không gây độc cho vật nuôi; dễ làm vệ sinh...)			

8.1. Yêu cầu:

- Nước uống cho vật nuôi đáp ứng quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gây độc cho vật nuôi

BB 1.2

8.2. Phạm vi:

- Hệ thống cung cấp nước, xử lý nước, bể chứa, vòi nước... cho động vật uống và hồ sơ lưu trữ về kết quả phân tích mẫu nước.

- Toàn bộ trang thiết bị ở trang trại nuôi.

8.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Hệ thống cung cấp nước (bể chứa, ống dẫn, vòi...) bảo đảm an toàn để cho vật nuôi uống;

- Kết quả phân tích mẫu nước dùng cho vật nuôi uống;

- Trang thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gỉ sét; không gây độc cho vật nuôi;

- Dễ làm vệ sinh và trong tình trạng được bảo trì tốt.

9. Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
9	**Luật ATTP:** Điều 19, Khoản 1, Điểm e. **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân** (người trực tiếp sản xuất bảo đảm sức khỏe để sản xuất; có kiến thức ATTP; được trang bị bảo hộ lao động; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý...)			

9.1. Yêu cầu:

- Người trực tiếp sản xuất có kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định, được khám sức khỏe theo quy định; được trang bị bảo hộ lao động;

- Trang trại có thiết bị vệ sinh cá nhân cho người lao động phù hợp; bố trí nhà vệ sinh hợp lý.

9.2. Phạm vi:

- Người trực tiếp sản xuất.

- Khu vực vệ sinh cá nhân, thay bảo hộ lao động; nhà vệ sinh.

- Kiến thức ATTP của người trực tiếp sản xuất;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe theo quy định.

BB 1.2

9.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Người trực tiếp sản xuất có kiến thức về an toàn thực phẩm, được khám sức khỏe theo quy định.

- Người lao động được trang bị bảo hộ lao động (quần áo, ủng, găng tay)

- Có phương tiện rửa, khử trùng tay trước khi tiếp xúc với động vật nuôi và sau khi đi vệ sinh (xà phòng, nước rửa).

- Khu vực vệ sinh công nhân cách biệt với khu vực chăn nuôi.

10. Ghi chép và truy xuất nguồn gốc

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
10	**Luật ATTP:** Điều 11, Khoản 2 Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e. **QCKT tương ứng** (nếu có);	**Ghi chép, truy xuất nguồn gốc** (có quy định về vệ sinh chuồng trại...; có ghi chép việc sử dụng thuốc hóa chất, thuốc thú y, thức ăn, thời gian xuất chuồng...)			

10.1. Yêu cầu:

- Có quy định về vệ sinh chuồng trại...;

- Có khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thời gian xuất chuồng và nơi tiêu thụ sản phẩm.

- Có ghi chép việc sử dụng thức ăn, thuốc thú y.

10.2. Phạm vi:

- Người sản xuất.

- Quy định, ghi chép, hóa đơn (nếu có) về xuất xứ và việc sử dụng thức ăn, thuốc thú y...

10.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Có quy định về vệ sinh chuồng trại...;

- Có hồ sơ ghi chép theo dõi nguồn cung cấp và việc sử dụng thức ăn, thuốc thú y (ngày mua, tên hàng hóa, người bán, khối lượng, việc sử dụng, thời gian cách ly...).

BB 1.2

- Có hồ sơ ghi chép theo dõi tiêu thụ sản phẩm (ngày, tên sản phẩm, người mua, trọng lượng).

- Biện pháp xử lý khi sản phẩm có vấn đề về ATTP (nếu có).

Lưu ý khi đánh giá cần xem xét đến điểm chưa phù hợp/sai lệch theo quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuy nhiên cơ sở có khả năng khắc phục trong thời hạn quy định.

(TÊN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN
BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Ngày thẩm định:.....

2. Tên cơ sở thẩm định: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax:..... Email:.....

- Người đại diện của cơ sở:..... Chức vụ: .....

- Mã số đăng ký kinh doanh:.....

3. Địa điểm thẩm định:

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax:..... Email:.....

4. Thành phần Đoàn thẩm định:

(1) .....

(2) .....

5. Đối tượng nuôi:.....; diện tích nuôi:.....; Hình thức nuôi:.....

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ HÀNH CHÍNH, PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (có/không):

Số:..... Ngày cấp:.....

2. Xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

☐ Đáp ứng quy định ☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

3. Xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp

☐ Đáp ứng quy định ☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, điểm a	Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản			
2	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, điểm a	Nước cấp			
3	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, điểm b	Con giống			
4	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, Điểm b	Thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			
5	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, điểm b	Thuốc thú y thủy sản			
6	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, điểm d	Xử lý chất thải			
7	**Luật ATTP:** Điều 36, Khoản 1, Điểm đ	Người trực tiếp sản xuất			
8	**Luật ATTP:** Điều 23, Khoản 1, điểm e	Lưu giữ hồ sơ			
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /8 nhóm chỉ tiêu					

(Ngoài các quy định trong Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn, cần tham chiếu các quy định hiện hành để thẩm định, đánh giá).

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

.....

.....

.....

.....

.....

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...):

.....

.....

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

2. Đề xuất phân loại cơ sở (Đạt/Không đạt):

Đạt □

□ Không đạt (Có thể/Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP)

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

.....

.....

.....

Biên bản được lập thành..... bản, có giá trị như nhau. *Giao cơ sở 01 bản, đoàn thẩm định 01 bản,... (cơ quan có liên quan) 01 bản....*

....., ngày tháng năm.....	*....., ngày tháng năm.....*
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu-nếu có)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

VIII. THẨM TRA BÁO CÁO KHẮC PHỤC *(áp dụng đối với trường hợp nội dung cần khắc phục có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận ATTP)*

1. Tên cơ sở:

2. Mã số đăng ký kinh doanh:

3. Ngày thẩm định

4. Thông tin Báo cáo khắc phục:

- Số văn bản, ngày:

- Ngày nhận được báo cáo:

5. Đánh giá báo cáo khắc phục

Nhóm chỉ tiêu	Nội dung cần khắc phục tại Biên bản thẩm định ngày....	Biện pháp khắc phục của cơ sở	Đánh giá của Đoàn thẩm định

6. Nhận xét về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sau khi thực hiện báo cáo hành động khắc phục (Đạt/Không đạt):.....

....., ngày..... tháng..... năm

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH

(Ký tên)

HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

I. Ghi biên bản

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.

- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.

- Kết quả đánh giá chỉ tiêu là "Đạt" hoặc "Không đạt" và diễn giải điểm không phù hợp tương ứng với mỗi nhóm chỉ tiêu "Không đạt" đã được Đoàn thẩm định phát hiện thông qua quan sát, phỏng vấn, hồ sơ, tài liệu tại hiện trường, thời hạn cơ sở phải khắc phục các điểm không phù hợp sau khi thống nhất với đại diện cơ sở và điều khoản tham chiếu thẩm định (theo quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng)

- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.

- Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn thẩm định

- Điểm 2 Mục VI. Đề xuất phân loại cơ sở (Đạt/Không đạt). Trường hợp Không đạt ghi chú thêm Có thể hay Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP.

- Mục VIII. Thẩm tra báo cáo khắc phục chỉ áp dụng đối với trường hợp các điểm chưa phù hợp có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận và sau khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở.

II. Nguyên tắc đánh giá

- Nhóm chỉ tiêu được đánh giá đạt khi tuân thủ quy định Luật ATTP, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Đoàn thẩm định có thể đưa ra các khuyến nghị để cơ sở xem xét cải tiến trong hoạt động kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm tại Nhóm chỉ tiêu đánh giá tương ứng.

III. Hướng dẫn phân loại

1. Phân loại ĐẠT:

- Cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định và được đánh giá "ĐẠT" đối với tất cả nhóm chỉ tiêu được đánh giá.

2. Phân loại KHÔNG ĐẠT:

Cơ sở có ít nhất 01 nhóm chỉ tiêu đánh giá trở lên trong số các nhóm chỉ tiêu được đánh giá có kết quả "Không đạt". Trường hợp cơ sở còn tồn tại điểm không phù hợp và có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận trên cơ sở thẩm định đánh giá thực

tế nguồn lực, khả năng khắc phục và cam kết của cơ sở, Đoàn thẩm định ghi nội dung: yêu cầu cơ sở gửi báo cáo khắc phục sai lỗi kèm theo bằng chứng khắc phục về Cơ quan thẩm quyền. Lưu ý thời gian khắc phục phải đảm bảo để Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc Thông báo không đạt tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ là 15 ngày.

IV. Hướng dẫn thẩm định, đánh giá

1. Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản

- Yêu cầu: Nằm ở vị trí không bị gây mất an toàn thực phẩm cho thủy sản nuôi bởi nước, chất thải sinh hoạt; chất thải, nguồn gây độc hại của các ngành kinh tế khác hoặc có giải pháp xử lý các nguồn gây nhiễm đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thủy sản nuôi.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Khảo sát, đánh giá thực tế vùng nuôi.

2. Nước cấp

- Yêu cầu: Nguồn nước không bị ảnh hưởng bởi các nguồn xả thải của khu dân cư/bệnh viện/khu công nghiệp hoặc có giải pháp xử lý các nguồn gây nhiễm đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm đối với thủy sản nuôi.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Khảo sát, đánh giá thực tế vùng nuôi.

3. Con giống

- Yêu cầu: Được sản xuất tại cơ sở có Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống đủ điều kiện theo quy định; có giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu; chất lượng giống đảm bảo yêu cầu với từng đối tượng nuôi. Không nuôi loài thủy sản chưa được phép kinh doanh tại Việt Nam.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Kiểm tra hồ sơ.

4. Thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

- Yêu cầu: Được sản xuất tại cơ sở sản xuất có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo quy định; đã công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy theo quy định; còn hạn sử dụng. Vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng theo hướng dẫn của nhà cung cấp, nhà sản xuất.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, khảo sát thực tế.

5. Thuốc thú y thủy sản

- Yêu cầu: Sử dụng thuốc thú y thủy sản theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đơn thuốc của cá nhân hành nghề thú y, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; không sử dụng nguyên liệu thuốc thú y để phòng bệnh, chữa bệnh; không sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y cấm sử dụng, thuốc thú y hết hạn sử dụng, thuốc thú y chưa được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, khảo sát thực tế.

6. Xử lý chất thải

- Yêu cầu: Có nơi chứa, xử lý chất thải và tách biệt với khu vực nuôi hoặc có giải pháp xử lý đảm bảo không làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, khảo sát thực tế.

7. Người trực tiếp sản xuất

- Yêu cầu: Người trực tiếp sản xuất bảo đảm sức khỏe để sản xuất (có giấy khám sức khỏe hàng năm), được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, khảo sát thực tế.

8. Lưu giữ hồ sơ

- Yêu cầu: Lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trong quá trình nuôi (thời gian lưu giữ tối thiểu 3 năm, đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản hoạt động dưới 3 năm thì hồ sơ lưu giữ từ khi bắt đầu sản xuất đến thời điểm kiểm tra).

- Phương pháp thẩm định, đánh giá: Kiểm tra hồ sơ.

(TÊN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TÀU CÁ
(Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên tàu cá (nếu có):.....

2. Số đăng ký tàu:.....

3. Họ và tên chủ tàu: .....

Địa chỉ chủ tàu: .....

Số điện thoại: .....

4. Mã số đăng ký kinh doanh:.....

5. Thời điểm thẩm định:.....

6. Hình thức thẩm định: .....

7. Thành phần Đoàn thẩm định:

(1) .....

(2) .....

(3) .....

8. Đại diện cơ sở (tàu cá):

(1) .....

(2) .....

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ HÀNH CHÍNH, PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (có/không):

Số:..... Ngày cấp:.....

2. Xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

☐ Đáp ứng quy định ☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

3. Xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp

☐ Đáp ứng quy định ☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH ĐÁNH GIÁ

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải các điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	**LUẬT ATTP** Điều 19 Khoản 1 điểm a; c Điều 23 Khoản 1 Điểm a **QCKT tương ứng** (nếu có)	**1. Địa điểm sản xuất**			
2	**LUẬT ATTP** Điều 19 Khoản 1 điểm b; Điều 23 Khoản 1 điểm a **QCKT tương ứng** (nếu có)	**2. Nguồn nước phục vụ sản xuất**			
3	**LUẬT ATTP** Điều 19 Khoản 1 điểm c; Điều 20 khoản 1 điểm a, b **QCKT tương ứng** (nếu có)	**3. Trang thiết bị xử lý, bảo quản sản phẩm:** 3.1. Thiết bị cấp đông, làm lạnh (nếu có): 3.2. Kho bảo quản lạnh (nếu có) 3.3. Hầm chứa và thùng bảo quản			
4	**LUẬT ATTP** Điều 19 Khoản 1 điểm c Điều 23 Khoản 1 điểm đ. **QCKT tương ứng** (nếu có)	**4. Dụng cụ, phương tiện rửa và khử trùng**			
5	**LUẬT ATTP** Điều 23 khoản 1 điểm d **QCKT tương ứng** (nếu có)	**5. Xử lý chất thải**			

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải các điểm không phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
6	**LUẬT ATTP** Điều 19 Khoản 1 điểm e; **QCKT tương ứng** (nếu có)	**6. Người trực tiếp sản xuất**			
7	**LUẬT ATTP** Điều 19 Khoản 1 điểm đ; Điều 23 Khoản 1 điểm e. **QCKT tương ứng** (nếu có)	**7. Duy trì điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm**			
8	**LUẬT ATTP** Điều 23 Khoản 1 điểm e. **QCKT tương ứng** (nếu có)	**8. Lưu giữ hồ sơ**			
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /8					

IV. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

.....

.....

.....

.....

V. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...)

.....

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

.....

(Kèm theo Biên bản lấy mẫu)

VI. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

.....

.....

.....

.....

2. Đề xuất phân loại cơ sở (Đạt/Không đạt):

Đạt □

□ **Không đạt** **(Có thể/Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP)**

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

.....

.....

VII. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

.....

.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, giao cơ quan chịu trách nhiệm thẩm định 01 bản, cơ sở được thẩm định lưu 01 bản.

....., ngày tháng năm	*....., ngày tháng năm*
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH	**TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên)*

VIII. THẨM TRA BÁO CÁO KHẮC PHỤC *(áp dụng đối với trường hợp nội dung cần khắc phục có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận ATTP)*

1. Tên cơ sở:

2. Mã số đăng ký doanh nghiệp:

3. Ngày thẩm định:

4. Thông tin Báo cáo khắc phục:

- Số văn bản, ngày:

- Ngày nhận được báo cáo:

5. Đánh giá báo cáo khắc phục:

Nhóm chỉ tiêu	Nội dung cần khắc phục tại Biên bản thẩm định ngày....	Biện pháp khắc phục của cơ sở	Đánh giá của Đoàn thẩm định

6. Nhận xét về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sau khi thực hiện báo cáo hành động khắc phục (Đạt/Không đạt):.....

....., ngày..... tháng..... năm
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký tên)

(Xem tiếp Công báo số 1327 + 1328)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng